



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Tỉnh Sơn La

Số 09

Ngày 15 tháng 03 năm 2021

MỤC LỤC

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

UBND TỈNH

01/02/2021	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh số 03/2021/QĐ-UBND về việc bãi bỏ Quyết định số 51/2004/QĐ-UBND ngày 20/4/2004; Quyết định số 37/2005/QĐ-UBND ngày 04/4/2005 của UBND tỉnh Sơn La	3
------------	---	---

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

UBND TỈNH

20/01/2021	Chỉ thị của Chủ tịch UBND tỉnh số 05/CT-UBND Về việc tổ chức cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XV và Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026	5
20/01/2021	Chỉ thị của Chủ tịch UBND tỉnh số 06/CT-UBND về tăng cường công tác giao nộp hồ sơ, tài liệu vào Lưu trữ lịch sử tỉnh	8
20/01/2021	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh số 139/QĐ-UBND về việc ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết của HĐND tỉnh và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025.	11

25/01/2021	Chỉ thị của UBND tỉnh số 07/CT-UBND về việc tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác tiếp công dân giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trên địa bàn tỉnh Sơn La	51
26/01/2021	Quyết định của UBND tỉnh số 146/QĐ-UBND về việc công bố danh mục các văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La ban hành hết hiệu lực đến hết ngày 31/12/2020	55
26/01/2021	Quyết định của UBND tỉnh số 149/QĐ-UBND về việc đính chính Quyết định số 01/2021/QĐ-UBND ngày 21/01/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định đơn giá bồi thường, hỗ trợ về cây cối, hoa màu khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Sơn La.	69
03/02/2021	Chỉ thị của Chủ tịch UBND tỉnh số 08/CT-UBND về việc tổ chức Tổng điều tra kinh tế và Điều tra cơ sở hành chính năm 2021 trên địa bàn tỉnh Sơn La	71

**UỶ BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 03/2021/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 01 tháng 02 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc bãi bỏ Quyết định số 51/2004/QĐ-UBND ngày 20/4/2004;
Quyết định số 37/2005/QĐ-UBND ngày 04/4/2005 của UBND tỉnh Sơn La**

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 20/TTr-STC ngày 19 tháng 01 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bãi bỏ 02 văn bản quy phạm pháp luật do UBND tỉnh ban hành, gồm:

1. Quyết định số 51/2004/QĐ-UBND ngày 20 tháng 4 năm 2004 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định ứng vốn và hoàn trả vốn để sản xuất con giống phục vụ dự án Di dân tái định cư thủy điện Sơn La.

2. Quyết định số 37/2005/QĐ-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2005 của UBND tỉnh về việc bổ sung một số chính sách áp dụng cho dự án tái định cư xã Tân Lập huyện Mộc Châu.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2021.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy (B/c);
- TT HĐND tỉnh (B/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục Kiểm tra VBQPPL, Bộ Tư pháp;
- Vụ pháp chế - Bộ TN&MT;
- Như Điều 3;
- Sở Tư pháp;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, TH, Hà 100 bản.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Hoàng Quốc Khánh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 05/CT-UBND

Sơn La, ngày 20 tháng 01 năm 2021

CHỈ THỊ

Về việc tổ chức cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026

Ngày 17 tháng 11 năm 2020, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 133/2020/QH14 về Ngày bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XV và đại biểu Hội đồng nhân dân (*sau đây viết tắt là HĐND*) các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026; theo đó, ngày bầu cử sẽ được tiến hành vào Chủ nhật, ngày 23 tháng 5 năm 2021. Ngày 14 tháng 01 năm 2021, Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 02/CT-TTg về tổ chức cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XV và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XV và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 là sự kiện chính trị lớn, có ý nghĩa quan trọng đối quốc gia nói chung và tỉnh Sơn La nói riêng. Đây là cuộc vận động và sinh hoạt dân chủ sâu rộng của mọi tầng lớp Nhân dân trong tỉnh để lựa chọn, bầu được những đại biểu ưu tú, đại diện cho Nhân dân tại Quốc hội khoá XV, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất và các đại biểu đại diện cho nhân dân địa phương tại HĐND cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã trong nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Để cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XV và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 được tổ chức bảo đảm dân chủ, bình đẳng, đúng pháp luật, an toàn, tiết kiệm và thật sự là ngày hội của toàn dân; tạo điều kiện thuận lợi nhất để Nhân dân thực hiện quyền làm chủ của mình trong việc lựa chọn, giới thiệu, bầu người đủ đức, đủ tài, xứng đáng đại diện cho Nhân dân tại Quốc hội và HĐND các cấp trong nhiệm kỳ 2021 - 2026, Chủ tịch UBND tỉnh Chỉ thị:

1. Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch, Sở Tư pháp, Báo Sơn La, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội xây dựng kế hoạch cụ thể và tổ chức tuyên truyền kịp thời, sâu rộng trong cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và các tầng lớp nhân dân về ý nghĩa, tầm quan trọng của cuộc bầu cử; quyền ứng cử, quyền bầu cử của công dân theo quy định của Hiến pháp; các nội dung cơ bản của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND, Luật Tổ chức Quốc hội và Luật Tổ chức chính quyền địa phương góp phần nâng cao ý thức làm chủ, tinh thần trách nhiệm, tự giác của mọi công dân, cơ quan, tổ chức trong thực hiện công tác bầu cử. Đảm bảo thông tin liên lạc thông suốt phục vụ công tác bầu cử.

2. Cục Thống kê cung cấp số liệu dân số toàn tỉnh, dân số của các huyện, thành phố và các xã, phường, thị trấn đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 để làm căn

cứ tính số lượng đại biểu HĐND các cấp ở mỗi đơn vị hành chính. Hoàn thành chậm nhất ngày 22 tháng 01 năm 2021.

3. Sở Giao thông vận tải, Công ty điện lực, Công ty Cổ phần cấp nước Sơn La và Công ty Cổ phần Môi trường và Dịch vụ Đô thị Sơn La chủ động xây dựng kế hoạch cụ thể để đảm bảo giao thông, cung cấp điện, nước, chỉnh trang đường phố, vệ sinh môi trường trong quá trình chuẩn bị, tổ chức cuộc bầu cử, đặc biệt trước và trong ngày bầu cử ngày 23 tháng 5 năm 2021.

4. Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy bộ đội biên phòng tỉnh xây dựng phương án triển khai lực lượng, bảo đảm an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội trong suốt quá trình chuẩn bị, tổ chức cuộc bầu cử, đặc biệt chú trọng bảo đảm an ninh tại những địa bàn trọng điểm, khu vực trọng yếu về an ninh quốc phòng; hướng dẫn các lực lượng quân đội, công an tham gia cuộc bầu cử.

5. Sở Tài chính phối hợp với Sở Nội vụ tham mưu cho UBND tỉnh phân bổ kinh phí phục vụ kịp thời cho cuộc bầu cử; hướng dẫn việc lập dự toán, quyết toán và kiểm tra việc sử dụng kinh phí bầu cử, bảo đảm kinh phí được sử dụng đúng mục đích, tiết kiệm và hiệu quả.

6. Sở Y tế, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thường xuyên theo dõi tình hình, tiếp tục thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp phòng chống đại dịch Covid-19; xây dựng các phương án chủ động ứng phó với những tình huống thiên tai, dịch bệnh có thể xảy ra trong thời gian tiến hành cuộc bầu cử.

7. Thanh tra tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan khẩn trương hướng dẫn kê khai tài sản đối với người tham gia ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu HĐND các cấp; chỉ đạo, hướng dẫn giải quyết kịp thời, đúng pháp luật các khiếu nại, tố cáo của công dân trước, trong và sau bầu cử.

8. Sở Nội vụ là cơ quan thường trực của Ủy ban bầu cử tỉnh, có trách nhiệm tham mưu giúp UBND, Chủ tịch UBND tỉnh trong tổ chức, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị; UBND cấp huyện, cấp xã thực hiện công tác bầu cử; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về hướng dẫn thực hiện công tác bầu cử; theo dõi, kiểm tra, đôn đốc UBND cấp huyện, cấp xã thực hiện quy định của pháp luật về bầu cử và các văn bản hướng dẫn của Hội đồng bầu cử quốc gia, Ủy ban bầu cử tỉnh, UBND tỉnh về thực hiện công tác bầu cử; phối hợp chặt chẽ với Văn phòng UBND tỉnh, Văn phòng đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh và các cơ quan liên quan theo dõi tình hình chuẩn bị, tiến độ thực hiện công tác bầu cử ở các địa phương để tổng hợp, báo cáo Hội đồng bầu cử quốc gia, Ủy ban bầu cử tỉnh, UBND tỉnh theo tiến độ quy định của pháp luật về bầu cử.

9. UBND cấp huyện, cấp xã trong phạm vi, quyền hạn của mình tổ chức thực hiện cuộc bầu cử theo đúng chỉ đạo của tỉnh; chủ động thực hiện và bảo đảm điều kiện, tiến độ cho cuộc bầu cử; công tác hiệp thương lựa chọn, giới thiệu nhân sự; trình tự các bước tiến hành công việc trước, trong, sau ngày bầu cử. Chủ động

phối hợp với Thường trực HĐND cùng cấp, các cơ quan có liên quan trong việc giám sát, kiểm tra và thực hiện công tác bầu cử. Chỉ đạo các cơ quan công an, quân đội ở địa phương xây dựng các kế hoạch, biện pháp cụ thể nhằm giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn và tại các khu vực bỏ phiếu; bảo đảm cho cuộc bầu cử được diễn ra an toàn, đúng pháp luật, xây dựng phương án dự phòng bảo đảm cuộc bầu cử được tiến hành liên tục, không bị gián đoạn.

10. Chủ tịch UBND các huyện, thành phố chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về công tác chỉ đạo, tổ chức thực hiện cuộc bầu cử ở địa phương.

Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu Giám đốc các sở, ban, ngành; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn, khẩn trương triển khai công tác chuẩn bị, tổ chức cuộc bầu cử; kịp thời báo cáo UBND tỉnh (*qua Sở Nội vụ*) theo tiến độ triển khai từng giai đoạn của cuộc bầu cử, bảo đảm cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 trên địa bàn tỉnh thành công tốt đẹp./.

Nơi nhận:

- Hội đồng Bầu cử Quốc gia;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Thường trực tỉnh Ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban bầu cử tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Thường trực Ủy ban MTTQ VN tỉnh;
- Các sở, ban ngành, đoàn thể tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Ủy ban bầu cử các huyện, thành phố;
- Lãnh đạo VP, CVCK;
- Lưu: VT, NC, Hiệp(120b).

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Hoàng Quốc Khánh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 06/CT-UBND

Sơn La, ngày 20 tháng 01 năm 2021

CHỈ THỊ

Về tăng cường công tác giao nộp hồ sơ, tài liệu vào Lưu trữ lịch sử tỉnh

Trong những năm qua, cùng với việc triển khai thực hiện Luật Lưu trữ từ năm 2011 đến nay và các văn bản hướng dẫn của Trung ương, của tỉnh; công tác văn thư, lưu trữ trên địa bàn tỉnh đã đạt được những kết quả quan trọng. Các cơ quan, tổ chức thuộc nguồn nộp lưu tài liệu vào Lưu trữ lịch sử tỉnh đã chủ động triển khai thực hiện các văn bản quy định, hướng dẫn của các cấp có thẩm quyền và cơ quan chức năng hướng dẫn. Do đó, công tác văn thư, lưu trữ đã khắc phục được những hạn chế và có nhiều chuyển biến tích cực.

Từ năm 2016 đến năm 2020, các sở, ngành, các huyện, thành phố đã quan tâm chủ động bố trí, đầu tư nguồn lực để triển khai thực hiện Đề án chính lý khoa học tài liệu lưu trữ tồn đọng tại các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh và UBND các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2017 - 2021. Đồng thời, UBND tỉnh đã phê duyệt Dự án xây dựng kho lưu trữ chuyên dụng của tỉnh đến nay, hệ thống kho lưu trữ chuyên dụng của tỉnh đã hoàn thành và đi vào hoạt động.

Để phát huy tính năng sử dụng Kho lưu trữ chuyên dụng của tỉnh, nhằm tăng cường bảo vệ và phát huy giá trị tài liệu lưu trữ, đồng thời đưa hoạt động lưu trữ đi vào nền nếp; tổ chức lưu trữ và hệ thống kho lưu trữ từng bước được củng cố; tài liệu lưu trữ được quản lý, bảo vệ, bảo quản an toàn, đảm bảo bí mật Nhà nước, phục vụ khai thác, sử dụng có hiệu quả. Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu:

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh; các cơ quan ngành dọc Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh; các doanh nghiệp Nhà nước thuộc tỉnh; Chủ tịch có trách nhiệm chỉ đạo và tổ chức thực hiện nghiêm túc những nội dung sau:

1.1. Tiếp tục tuyên truyền, phổ biến, quán triệt triển khai Luật Lưu trữ và các văn bản quy phạm pháp luật quy định và hướng dẫn về công tác văn thư, lưu trữ, nhằm nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức đối với công tác văn thư, lưu trữ.

1.2. Tổ chức thực hiện nghiêm túc, hiệu quả việc lập hồ sơ công việc và giao nộp hồ sơ, tài liệu vào Lưu trữ cơ quan, Lưu trữ lịch sử tỉnh theo đúng quy định của Luật Lưu trữ năm 2011; các văn bản quy phạm pháp luật về văn thư, lưu trữ; Chỉ thị số 35/CT-TTg ngày 07 tháng 9 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác lập hồ sơ và giao nộp hồ sơ, tài liệu vào Lưu trữ cơ quan, Lưu trữ lịch sử; Quyết định số 2569/QĐ-UBND ngày 18 tháng 10 năm 2019 về việc phê duyệt Đề án thu thập tài liệu của các cơ quan, tổ chức vào Lưu trữ lịch sử tỉnh giai đoạn 2020 - 2025.

1.3. Các cơ quan, đơn vị, địa phương giải quyết dứt điểm tài liệu hiện đang bó gói, tồn đọng tại cơ quan, đơn vị mình. Chủ động đầu tư cơ sở vật chất, nguồn lực để thực hiện có hiệu quả việc xử lý tài liệu tồn đọng chưa được chỉnh lý; phân loại, xác định giá trị tài liệu đưa vào bảo quản để nộp lưu vào Lưu trữ lịch sử tỉnh.

1.4. Đối với tài liệu có giá trị bảo quản vĩnh viễn theo quy định của pháp luật lưu trữ và quy định, hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền, trong thời hạn 10 năm kể từ năm công việc kết thúc, các cơ quan, tổ chức thuộc Danh mục nguồn nộp lưu tài liệu vào Lưu trữ lịch sử tỉnh có trách nhiệm chỉnh lý tài liệu, lập Mục lục hồ sơ, tài liệu nộp lưu, lập Danh mục tài liệu có đóng dấu chỉ các mức độ mật và giao nộp tài liệu kèm theo công cụ tra cứu vào Lưu trữ lịch sử tỉnh, chậm nhất là ngày 31 tháng 12 năm 2021.

1.5. Bố trí công chức, viên chức chuyên trách làm công tác văn thư, lưu trữ trong tổng biên chế hành chính, biên chế sự nghiệp của cơ quan, đơn vị được giao, bảo đảm đủ tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn các ngạch công chức chuyên ngành văn thư quy định tại Thông tư số 14/2014/TT-BNV ngày 31 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ; tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành lưu trữ quy định tại Thông tư số 13/2014/TT-BNV ngày 31 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ. Trường hợp chuyên ngành khác phải được đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ văn thư, lưu trữ và có chứng chỉ nghiệp vụ văn thư, lưu trữ theo quy định.

1.6. Phối hợp với tổ chức Lưu trữ lịch sử cấp tỉnh, giao nộp toàn bộ tài liệu có giá trị bảo quản vĩnh viễn về kho Lưu trữ chuyên dụng của tỉnh theo đúng quy định. Ngoài ra, khuyến khích các cơ quan, đơn vị giao nộp, hoặc gửi tài liệu về kho lưu trữ chuyên dụng để được quản lý, bảo vệ, bảo quản an toàn; phát huy giá trị tài liệu lưu trữ.

1.7. Trường hợp cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nhà nước chia tách, sáp nhập, giải thể, chuyển đổi hình thức sở hữu hoặc phá sản thì người đứng đầu cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp phải có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức quản lý và giao nộp hồ sơ, tài liệu theo đúng quy định tại Điều 24 Luật Lưu trữ và các quy định của pháp luật có liên quan về văn thư, lưu trữ.

1.8. Tích cực ứng dụng công nghệ thông tin trong việc quản lý văn bản, giải quyết công việc, lập hồ sơ điện tử về văn thư, lưu trữ và lưu trữ tài liệu điện tử, đáp ứng yêu cầu xây dựng Chính phủ điện tử.

1.9. Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức và công chức, viên chức đối với công tác văn thư, lưu trữ; đưa việc chấp hành pháp luật về công tác văn thư, lưu trữ thành một trong các tiêu chí để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao hàng năm.

2. Sở Nội vụ có trách nhiệm

2.1. Căn cứ Luật Lưu trữ, các văn bản quy phạm pháp luật quy định và hướng dẫn về công tác giao nộp tài liệu vào Lưu trữ lịch sử tỉnh, để triển khai đồng bộ, thống nhất, đảm bảo đúng theo quy định.

2.2. Triển khai Đề án thu thập tài liệu của các cơ quan, tổ chức thuộc nguồn nộp lưu tài liệu vào Lưu trữ lịch sử tỉnh giai đoạn 2020 - 2025, theo Quyết định số 2569/QĐ-UBND ngày 18 tháng 10 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh.

2.3. Xây dựng kế hoạch tiếp nhận toàn bộ tài liệu có giá trị bảo quản vĩnh viễn của các cơ quan, đơn vị về kho Lưu trữ chuyên dụng của tỉnh theo đúng quy định.

2.4. Chỉ đạo Trung tâm Lưu trữ lịch sử lập dự toán, trình Sở Tài chính cấp kinh phí để triển khai thực hiện; tham mưu cho Giám đốc Sở giúp UBND tỉnh kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn thực hiện Chỉ thị này.

2.5. Hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn tỉnh thuộc diện chia tách, sáp nhập, giải thể, chuyển đổi hình thức sở hữu hoặc phá sản có trách nhiệm tổ chức quản lý, thống kê, thu thập, chỉnh lý và giao nộp hồ sơ, tài liệu vào Lưu trữ lịch sử tỉnh theo quy định.

2.6. Đôn đốc, kiểm tra và báo cáo UBND tỉnh về tình hình, kết quả thực hiện Chỉ thị; đồng thời đề xuất UBND tỉnh khen thưởng kịp thời tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác văn thư, lưu trữ; xử lý trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, cá nhân vi phạm trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về văn thư, lưu trữ.

3. Sở Tài chính có trách nhiệm hàng năm cân đối ngân sách, bố trí kinh phí đảm bảo cho các hoạt động của công tác văn thư, lưu trữ theo Điều 39 của Luật Lưu trữ, trong đó ưu tiên bố trí kinh phí để thực hiện chỉnh lý tài liệu; hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương lập dự toán ngân sách hàng năm cho công tác văn thư, lưu trữ.

4. Sở Thông tin và Truyền thông, Báo Sơn La, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh có trách nhiệm phối hợp với Sở Nội vụ trong việc tuyên truyền, phổ biến các quy định của Nhà nước về công tác văn thư, lưu trữ, đặc biệt là công tác giao nộp hồ sơ, tài liệu vào Lưu trữ lịch sử tỉnh.

Yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức thực hiện nghiêm túc Chỉ thị này./.

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ;
- Cục VT-LTNN, Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh;
- Các cơ quan trung ương trên địa bàn tỉnh;
- Các Hội, Doanh nghiệp nhà nước thuộc tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Báo, Đài PT-TH Sơn La;
- LĐ VP UBND tỉnh;
- Lưu; VT, NC, Hiệp(50b).

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Hoàng Quốc Khánh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 139/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 20 tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết
của HĐND tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 13 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng
Chính phủ về việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm
2021 - 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 238/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2020 của
HĐND tỉnh Sơn La về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025;*

*Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 23/TTr-SKHĐT
ngày 14 tháng 01 năm 2021,*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết của HĐND tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- VP UBND tỉnh (LĐ, CV, TT Thông tin);
- Lưu: VT, TH (V.Hải) 15b.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Hoàng Quốc Khánh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG
Thực hiện Nghị quyết của HĐND tỉnh về
Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025
(Ban hành kèm theo Quyết định số 139/QĐ-UBND
ngày 20/01/2021 của UBND tỉnh)

Kỳ họp thứ 15 - HĐND tỉnh khóa XIV đã thông qua Nghị quyết số 238/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2020 về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 với mục tiêu tổng quát là *“Thúc đẩy tốc độ tăng trưởng kinh tế gắn với đẩy mạnh thực hiện các đột phá chiến lược, cơ cấu lại các ngành kinh tế theo hướng tăng trưởng xanh và phát triển nhanh, bền vững, nâng cao năng suất, hiệu quả và sức cạnh tranh của các ngành, lĩnh vực; thu hút đầu tư, xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng, trung tâm khởi nghiệp, sáng tạo, hình thành các đô thị thông minh; phát triển nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, công nghiệp chế biến, năng lượng sạch, năng lượng tái tạo và du lịch; phát triển kinh tế tư nhân, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo trở thành động lực mới cho tăng trưởng. Phát huy vai trò nền tảng của giá trị văn hóa; xây dựng xã hội dân chủ, tiến bộ, công bằng, văn minh; bảo đảm an sinh xã hội; bảo vệ môi trường và ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu, thiên tai, hạn hán, dịch bệnh kịp thời. Tăng cường quốc phòng, an ninh, xây dựng xã hội trật tự, an toàn, kỷ cương; nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế”*.

Căn cứ các mục tiêu, nhiệm vụ tại Nghị quyết của HĐND tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025, UBND tỉnh ban hành Chương trình hành động với những nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Việc xây dựng và ban hành Chương trình hành động nhằm quán triệt và chỉ đạo các cấp, các ngành tập trung tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết của HĐND tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025.

2. Chương trình hành động phải cụ thể hóa và phân công rõ trách nhiệm của cơ quan, đơn vị chủ trì, phối hợp nhằm thực hiện hiệu quả các mục tiêu, định hướng phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025.

3. Các cấp, các ngành thực hiện đổi mới phương thức chỉ đạo, điều hành bằng những việc làm cụ thể, đột phá, mang lại hiệu quả thực chất; nghiên cứu, đề xuất và thực hiện có hiệu quả các giải pháp nhằm đạt được các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ đã đề ra. Tăng cường kiểm tra, đôn đốc, đánh giá việc thực hiện Chương trình hành động gắn với đề cao trách nhiệm người đứng đầu trong thực hiện nhiệm vụ.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Hoàn thiện hệ thống các cơ chế, chính sách phù hợp với yêu cầu phát triển và hội nhập kinh tế quốc tế

Rà soát, hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách hiện hành; đồng thời thể chế hóa kịp thời, phù hợp, đúng định hướng các Nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra và thực thi pháp luật; bảo đảm tính công khai, minh bạch, tính dự báo được thể hiện trong xây dựng và thực thi thể chế, tạo điều kiện ổn định, thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội.

Xây dựng và tổ chức thực hiện hiệu quả Quy hoạch tỉnh Sơn La thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; điều chỉnh, bổ sung kịp thời quy hoạch vùng huyện, vùng liên huyện, các quy hoạch kỹ thuật chuyên ngành đáp ứng nhu cầu phát triển.

Việc xây dựng và tổ chức thực hiện các quy hoạch, kế hoạch, đề án, cơ chế, chính sách đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tiễn về nguồn lực và khả năng thực hiện của tỉnh, góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển theo hướng bền vững, tạo sức lan tỏa và động lực thúc đẩy giữa các vùng, các huyện, thành phố.

Thực hiện nghiêm túc, đảm bảo công khai minh bạch về nghĩa vụ và trách nhiệm trong thủ tục hành chính nhà nước và dịch vụ công; về quyền bình đẳng trong tiếp cận tài sản công của mọi chủ thể kinh tế trong tỉnh. Tiếp tục hoàn thiện việc xây dựng cơ chế chính sách về đất đai, tài nguyên phù hợp với đặc thù của địa phương để huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả, khắc phục tình trạng tranh chấp, khiếu kiện, tham nhũng, lãng phí trong lĩnh vực này.

Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách của tỉnh liên quan đến doanh nghiệp; phát hiện, đề xuất bãi bỏ, sửa đổi những quy định chưa phù hợp giữa các thành phần kinh tế. Cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước; tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy phát triển doanh nghiệp.

Thực hiện nghiêm túc các quy định pháp luật để phát triển đầy đủ, đồng bộ các loại thị trường gồm thị trường hàng hóa, tài chính, vốn, lao động, khoa học công nghệ, đất đai; bảo đảm đầy đủ quyền tự do, an toàn trong hoạt động kinh doanh và huy động, phân bổ, sử dụng hiệu quả các nguồn lực.

2. Đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại các ngành kinh tế bảo đảm thực chất, hiệu quả; nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của các ngành, lĩnh vực; huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực, tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng xanh và bền vững

Đổi mới mô hình tăng trưởng, bảo đảm phát triển xanh, nhanh và bền vững; kết hợp có hiệu quả phát triển chiều rộng với chiều sâu, nâng cao chất lượng tăng

trường trên cơ sở huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, nâng cao năng suất lao động, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, đẩy mạnh áp dụng rộng rãi sản xuất sạch, nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên thiên nhiên, đồng thời hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm, bảo vệ chất lượng môi trường, hướng tới các mục tiêu tăng trưởng xanh và bền vững. Tiếp tục thực hiện đồng bộ, hiệu quả Đề án tái cơ cấu nền kinh tế và cơ cấu lại các ngành, lĩnh vực.

2.1. Cơ cấu lại nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới

Đẩy mạnh cơ cấu lại nông nghiệp theo hướng xây dựng nền nông nghiệp công nghệ cao, sản xuất hàng hóa lớn; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất, bảo quản, chế biến sản phẩm nông nghiệp nhằm tăng năng suất, chất lượng, nâng cao giá trị gia tăng và thích ứng với biến đổi khí hậu; chú trọng ứng dụng công nghệ xanh, hệ thống quản lý và kiểm soát hoạt động theo kinh nghiệm thực hành tốt để giảm ô nhiễm, cải thiện môi trường sinh thái; tăng diện tích trồng xen canh giữa cây ăn quả với cây hàng năm, cây dược liệu nhằm khai thác và sử dụng hiệu quả tài nguyên đất đai, tăng giá trị thu nhập trên một đơn vị diện tích đất; bảo đảm phát triển bền vững, an ninh lương thực và vệ sinh an toàn thực phẩm. Phân đầu tốc độ tăng trưởng bình quân khu vực nông, lâm nghiệp, thủy sản giai đoạn 2021 - 2025 tăng khoảng 5%/năm; giá trị sản xuất trên 01 ha đất trồng trọt tăng khoảng 10 - 15%/ha/năm.

Thực hiện Đề án phát triển lĩnh vực trồng trọt theo hướng an toàn, bền vững; trong đó chú trọng mở rộng vùng cây trồng tập trung chuyên canh, hình thành cánh đồng lớn, vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Xây dựng và hình thành 08 vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh.

Xây dựng Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại Mộc Châu theo quy hoạch được phê duyệt tại Quyết định số 575/QĐ-TTg ngày 04 tháng 5 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ, trong đó tập trung phát triển các sản phẩm rau, hoa, chè và cây ăn quả ôn đới..., gắn với chế biến và xuất khẩu nông sản.

Xây dựng và ban hành chính sách, hướng dẫn phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ trên các loại cây trồng rau, lúa, hoa, chè, cà phê và cây ăn quả đạt các tiêu chuẩn quy định. Khuyến khích, hỗ trợ các hình thức liên kết hợp tác, liên kết tổ chức sản xuất gắn với chế biến sâu, xây dựng quảng bá thương hiệu và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao giữa người sản xuất, các trang trại, tổ hợp tác, hợp tác xã với doanh nghiệp.

Tăng cường triển khai các mô hình trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản theo quy trình GAP, GAP cơ bản để nâng cao chất lượng sản phẩm, bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng. Phát triển nền nông nghiệp đa dạng sinh học, xây dựng nền nông nghiệp đặc sản tạo nên sự khác biệt gắn với chuỗi ẩm thực của tỉnh và phát triển du lịch.

Phân đầu xây dựng tỉnh trở thành trung tâm chế biến nông sản, trung tâm sữa, hoa quả, cây dược liệu, du lịch của vùng Tây Bắc; phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ cho chủ trương và triển khai xây

dựng Trung tâm quốc gia nghiên cứu về khoa học công nghệ cao trong nông nghiệp tại huyện Mộc Châu.

Tổ chức rà soát, đánh giá toàn diện về hiệu quả trồng cây cao su trên địa bàn tỉnh; kịp thời đề xuất các giải pháp, chính sách cụ thể để Chính phủ xem xét, giải quyết, sớm ổn định đời sống cho nhân dân.

Phát triển chăn nuôi tập trung theo quy mô doanh nghiệp, hợp tác xã, trang trại theo hướng công nghiệp, bán công nghiệp, chăn nuôi con đặc sản, chăn nuôi hữu cơ, ứng dụng công nghệ cao gắn với chuỗi giá trị.

Tuyên truyền vận động các hộ nông dân chuyển đổi diện tích cây trồng hiệu quả thấp sang trồng cỏ chăn nuôi; tăng cường quản lý việc sản xuất, kinh doanh giống vật nuôi, thủy sản, thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y nhằm đảm bảo yêu cầu về chất lượng giống cũng như đáp ứng được các quy chuẩn, quy định của pháp luật. Giám sát, kịp thời phát hiện dịch, triển khai các biện pháp chống dịch đúng quy trình có hiệu quả, không để dịch bệnh lây lan ra diện rộng.

Phát triển thủy sản theo hướng bền vững, hiệu quả, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, nuôi tiết kiệm nước, nuôi an toàn sinh học, bảo vệ môi trường sinh thái, phù hợp với yêu cầu thị trường và đạt chuẩn VietGAP. Phát triển vùng nuôi trồng thủy sản tập trung tại vùng lòng hồ các công trình thủy điện, hồ chứa nước trên địa bàn. Tiếp tục đa dạng hóa đối tượng và phương pháp nuôi trồng để khai thác cơ hội thị trường; tăng cường hướng dẫn ứng dụng công nghệ cao trong nuôi trồng thủy sản.

Tập trung phát triển trồng rừng sản xuất; cải thiện sinh kế cho cộng đồng các dân tộc thiểu số và những đối tượng khác được hưởng lợi thông qua phí dịch vụ môi trường rừng; nâng cao hiệu quả kinh tế rừng trồng theo hướng phát triển lâm nghiệp đa chức năng.

Quản lý bảo vệ bền vững vốn rừng hiện có đảm bảo năng lực phòng hộ đầu nguồn, bảo tồn đa dạng sinh học; mở rộng áp dụng chứng nhận tiêu chuẩn quốc tế trong quản lý rừng; ban hành cơ chế chính sách khuyến khích các doanh nghiệp, hợp tác xã đầu tư phát triển rừng gắn với xây dựng các nhà máy chế biến lâm sản; phát triển chuỗi giá trị lâm sản từ trồng, khai thác, sử dụng, chế biến và thị trường tiêu thụ lâm sản đặc trưng của địa phương nhằm phát triển thị trường lâm sản hàng hóa, thúc đẩy kinh tế rừng phát triển bền vững; ưu tiên phát triển các loại cây lâm nghiệp có lợi thế, giá trị kinh tế cao, có tiềm năng phát triển như lâm sản ngoài gỗ, các loại cây đa mục tiêu như: Sơn tra, mắc ca, tre luồng, trám, giổi, cây ăn quả trên đất dốc theo hướng nông lâm kết hợp, được liệu dưới tán rừng...

Phát triển các loại hình du lịch sinh thái, chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) đặc trưng, từng bước hình thành các vùng nguyên liệu lâm đặc sản với quy mô tập trung, gắn với chế biến và tiêu thụ. Tăng cường công tác bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng, ngăn chặn và xử lý có hiệu quả các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng; sử dụng có hiệu quả kinh phí dịch vụ

môi trường rừng, ban hành cơ chế khuyến khích các chủ rừng sử dụng tiền từ dịch vụ môi trường rừng phục vụ công tác quản lý, bảo vệ rừng, trồng cây lâm nghiệp, cây ăn quả, cây dược liệu. Phân đấu tỷ lệ che phủ rừng đến năm 2025 (bao gồm cây ăn quả trên đất dốc) đạt 50%.

Từng bước chuyển đổi cơ chế quản lý vận hành công trình thủy lợi và dịch vụ thủy lợi theo cơ chế thị trường, gắn lợi ích với quyền lợi và trách nhiệm của người quản lý vận hành, người sử dụng. Ưu tiên phát triển hệ thống thủy lợi nhỏ và tưới tiên tiến tiết kiệm nước phục vụ mục tiêu chuyển đổi cơ cấu cây trồng của tỉnh, các công trình phục vụ nuôi trồng thủy sản tập trung.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền nhằm giúp người dân nhận thức và phát huy được vai trò chủ thể, tự giác tích cực chủ động thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; tổng kết phổ biến nhân rộng các mô hình đạt hiệu quả. Tập trung phát triển sản xuất, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, nâng cao thu nhập cho người dân vùng nông thôn, hoàn thành hệ thống cơ sở hạ tầng thiết yếu trên địa bàn xã, ưu tiên những xã nghèo, xã đặc biệt khó khăn; triển khai các mô hình nâng cao hiệu quả sử dụng thiết chế văn hóa cơ sở để đáp ứng nhu cầu hoạt động văn hóa của người dân nông thôn.

Tiếp tục thực hiện chương trình “Mỗi xã một sản phẩm” gắn với dịch vụ du lịch và bảo tồn, phát triển văn hóa truyền thống; xây dựng các xã đạt tiêu chí nông thôn mới nâng cao, xây dựng vườn kiêu mẫu, bản nông thôn kiêu mẫu. Phân đấu đến năm 2025, có 83 xã đạt chuẩn nông thôn mới, số tiêu chí nông thôn mới bình quân đạt 16 tiêu chí/xã, có 01 huyện đạt chuẩn nông thôn mới, 04 xã biên giới đạt chuẩn nông thôn mới, 20 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 3-5 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiêu mẫu.

2.2. Cơ cấu lại ngành công nghiệp theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng

Khai thác tiềm năng lợi thế của địa phương cùng với tận dụng những thành quả của Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư để phát triển công nghiệp bền vững, hiệu quả gắn với bảo vệ môi trường và hội nhập quốc tế. Cơ cấu lại các ngành công nghiệp theo hướng hiện đại, nâng cao hàm lượng khoa học công nghệ, trí tuệ và giá trị gia tăng của sản phẩm. Xây dựng Sơn La thành trung tâm chế biến nông sản của vùng Tây Bắc.

Tập trung ưu tiên phát triển công nghiệp công nghệ cao, công nghệ sinh học thân thiện môi trường; công nghiệp chế biến sâu nông, lâm, thủy sản và dược liệu đạt tiêu chuẩn xuất khẩu; công nghiệp năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, nhất là năng lượng gió, năng lượng mặt trời; công nghiệp dệt may, da giày ưu tiên phát triển ở các khâu tạo giá trị gia tăng cao gắn với các quy trình sản xuất thông minh, tự động hóa.

Khuyến khích phát triển các nghề và xây dựng mô hình một số làng nghề sản xuất tiêu thủ công nghiệp quy mô nhóm hộ gia đình, hướng vào sản xuất hàng

tiêu dùng; hỗ trợ xây dựng các cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp gắn với nông nghiệp và nông thôn; lựa chọn các sản phẩm và doanh nghiệp có năng lực để liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm. Phân đầu tốc độ tăng trưởng bình quân ngành công nghiệp đạt 5%/năm.

Đẩy mạnh thu hút đầu tư trong nước, đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), đặc biệt là trong lĩnh vực công nghiệp chế biến, điện tử, năng lượng tái tạo, ưu tiên các dự án sử dụng công nghệ “cao, mới, sạch, tiết kiệm”, sử dụng nhiều nguyên liệu của tỉnh, phụ kiện trong nước, sử dụng nhiều lao động địa phương, có cam kết chuyển giao công nghệ, đào tạo nhân lực tại chỗ, liên doanh, liên kết sản xuất với các doanh nghiệp, hợp tác xã.

Đẩy mạnh các giải pháp thu hút các nhà đầu tư vào các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn; khuyến khích phát triển các nghề và xây dựng mô hình một số làng nghề sản xuất tiểu thủ công nghiệp quy mô nhóm hộ gia đình, hướng vào sản xuất hàng tiêu dùng. Huy động nguồn lực đầu tư hạ tầng các khu, cụm công nghiệp hiện có, đồng thời phát triển các cụm công nghiệp tại Thuận Châu, thành phố Sơn La, khu công nghiệp Vân Hồ để thu hút đầu tư các nhà máy công nghiệp phụ trợ, lĩnh vực điện tử, công nghiệp công nghệ cao...

Phát triển ngành công nghiệp điện và thủy điện; đẩy mạnh công tác thu hút các nhà đầu tư vào lĩnh vực thủy điện nhỏ, điện gió, điện mặt trời. Tập trung tháo gỡ khó khăn, hoàn thành đưa 30 nhà máy thủy điện nhỏ đi vào vận hành trong giai đoạn với tổng công suất lắp máy khoảng 380 MW, sản lượng điện tăng thêm khoảng 1.300 triệu kWh. Tiếp tục đầu tư lưới điện trung áp, hạ áp cung cấp lưới điện quốc gia cho các hộ dân, nhất là các hộ tại các bản chưa có điện, phân đầu tỷ lệ số hộ được sử dụng điện lưới quốc gia đạt 99%.

2.3. Phát triển các ngành dịch vụ

Đẩy mạnh phát triển các ngành dịch vụ, phấn đầu đạt tốc độ tăng trưởng bình quân 9,2%/năm; tỷ trọng khu vực dịch vụ trong GRDP khoảng 42,5% vào năm 2025. Ưu tiên phát triển các ngành dịch vụ có lợi thế, có hàm lượng công nghệ cao, ứng dụng thành tựu của Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư như vận tải, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, thông tin truyền thông, y tế, giáo dục, du lịch...

Xây dựng và phát triển mạnh thương mại nội địa theo hướng hiện đại, đẩy mạnh phát triển thương mại điện tử với sự tham gia của các thành phần kinh tế, tiến tới xây dựng sàn giao dịch thương mại điện tử của tỉnh. Tập trung thu hút đầu tư phát triển mạng lưới chợ, siêu thị, trung tâm thương mại, mạng lưới cửa hàng xăng dầu, cửa hàng khí hóa lỏng, nhất là ở khu vực nông thôn; mở rộng mô hình thí điểm chợ an toàn thực phẩm. Nghiên cứu phát triển các trung tâm Logistic tại các khu vực: 02 cửa khẩu Chiềng Khương, Lóng Sập; Khu công nghiệp Mai Sơn; Cụm công nghiệp Gia Phù; Cụm công nghiệp Bó Bun; Cụm công nghiệp Mường La.

Đẩy mạnh kết nối tiêu thụ sản phẩm, chuỗi giá trị và xuất khẩu làm động lực thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh. Tiếp tục duy trì các sản phẩm xuất

khẩu có lợi thế cạnh tranh, đồng thời từng bước phát triển các sản phẩm xuất khẩu qua chế biến, có giá trị gia tăng cao hơn; tận dụng ưu đãi từ các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới (FTA) mà Việt Nam đã ký kết để khai thác thị trường mới. Đẩy mạnh phát triển kinh tế cửa khẩu đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế, thúc đẩy hợp tác phát triển thương mại Việt Nam - Lào trong việc nghiên cứu xây dựng mô hình khu hợp tác kinh tế biên giới với các lợi thế và chính sách đặc thù để phát triển nhanh và bền vững, phát huy tiềm năng và lợi thế sẵn có của mỗi bên.

Nghiên cứu mở rộng thêm các loại hình dịch vụ khác như tư vấn tài chính, đầu tư, vận tải, bốc xếp, kho bãi...; phát triển công nghiệp như gia công, chế xuất... Phân đầu tốc độ tăng bình quân tổng mức bán lẻ hàng hóa đạt khoảng 8%/năm; giá trị hàng hóa tham gia xuất khẩu tăng bình quân 12,5%/năm.

Tập trung khai thác tiềm năng, lợi thế để phát triển du lịch bền vững. Hoàn thiện cơ chế để thu hút các nguồn lực đầu tư hạ tầng du lịch, tạo điểm nhấn, động lực phát triển kinh tế du lịch của tỉnh, của vùng Tây Bắc. Tiếp tục đầu tư, tôn tạo các khu, điểm du lịch: Khu du lịch quốc gia Mộc Châu, khu du lịch lòng hồ thủy điện Sơn La, Di tích quốc gia đặc biệt Nhà tù Sơn La, Bảo tàng Sơn La, Đền thờ Vua Lê Thái Tông, các điểm du lịch cộng đồng tại các bản có tiềm năng du lịch gắn với bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc; khai thác hiệu quả các khu, điểm du lịch tại các huyện, thành phố.

Tăng cường công tác xúc tiến, quảng bá du lịch Sơn La theo hướng trọng tâm, trọng điểm, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ tiên tiến, thúc đẩy tăng trưởng khách du lịch quốc tế và nội địa cả về số lượng và chất lượng; đẩy mạnh hợp tác phát triển du lịch với 08 tỉnh Tây Bắc mở rộng. Ưu tiên hoạt động du lịch, thương mại phát huy tiềm năng, lợi thế của tỉnh như du lịch nghỉ dưỡng, du lịch sinh thái, du lịch văn hóa lịch sử, du lịch mạo hiểm gắn với tổ chức các sự kiện văn hóa, thể thao, tổ chức Hội nghị, Hội thảo cấp khu vực, toàn quốc và quốc tế.

Phân đầu đến năm 2025, thu hút được 5,2 triệu lượt khách du lịch, tăng gấp 2,7 lần so với năm 2020; doanh thu từ hoạt động du lịch bình quân mỗi năm đạt trên 3.000 tỷ đồng; Khu du lịch quốc gia Mộc Châu được Chính phủ quyết định công nhận là Khu du lịch Quốc gia; định hướng quy hoạch du lịch lòng hồ thủy điện Sơn La thành khu du lịch quốc gia.

2.4. Huy động và sử dụng có hiệu quả nguồn lực cho đầu tư phát triển gắn với thực hiện cơ cấu lại đầu tư công

Tiếp tục thực hiện tái cơ cấu đầu tư, trọng tâm là đầu tư công, hình thành cơ cấu đầu tư công hợp lý, nâng cao hiệu quả kinh tế - xã hội của các dự án đầu tư công trên địa bàn tỉnh, đẩy nhanh tiến độ giải ngân thanh toán, không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản.

Điều hành linh hoạt, hiệu quả kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021 - 2025 và kế hoạch đầu tư công hàng năm theo hướng trọng tâm, trọng điểm, tập trung,

không dàn trải, bám sát vào khả năng cân đối các nguồn vốn, tạo sức lan tỏa và động lực thúc đẩy giữa các vùng, các huyện, thành phố, khai thác hợp lý, hiệu quả nguồn lực từ đất đai cho đầu tư phát triển.

Đẩy mạnh phân cấp trong quản lý đầu tư và xây dựng theo hướng hợp lý, phù hợp với các quy định hiện hành, phát huy tính chủ động của các địa phương trong quản lý đầu tư công; đồng thời gắn với việc tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung đã phân cấp.

Tiếp tục chuyển dịch cơ cấu tổng vốn đầu tư toàn xã hội theo hướng giảm dần tỷ trọng vốn đầu tư khu vực nhà nước, tăng dần tỷ trọng vốn đầu tư khu vực ngoài nhà nước; ưu tiên lựa chọn các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước có khả năng tạo đột phá thu hút nguồn vốn khu vực tư nhân trong và ngoài nước.

Đẩy mạnh huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực xã hội tạo động lực phát triển kinh tế nhanh và bền vững; làm tốt công tác thu hút đầu tư, xã hội hóa đầu tư, tăng cường các hoạt động xúc tiến đầu tư; ưu tiên thu hút đầu tư vào các lĩnh vực phát triển nông nghiệp, đầu tư các nhà máy chế biến nông sản, công nghệ cao; phát triển du lịch nghỉ dưỡng, sinh thái, du lịch lòng hồ thủy điện Sơn La; năng lượng điện mặt trời, điện gió; phát triển kết cấu hạ tầng, đầu tư phát triển các khu đô thị...

Phân đầu tổng vốn đầu tư toàn xã hội trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025 đạt khoảng 120.000 tỷ đồng; đến năm 2025 tỷ trọng vốn đầu tư khu vực ngoài nhà nước chiếm trên 65% tổng vốn đầu tư.

2.5. Tăng cường quản lý tài chính, ngân sách và hoạt động tín dụng, ngân hàng

Thực hiện cơ cấu lại thu ngân sách nhà nước, bảo đảm tỷ trọng hợp lý giữa thuế gián thu và thuế trực thu, khai thác tốt thuế thu từ tài sản, tài nguyên, bảo vệ môi trường, tăng thu từ sản xuất kinh doanh, sử dụng đất, thu từ hoạt động xổ số kiến thiết; nuôi dưỡng và tạo lập các nguồn thu mới phù hợp với quy định của pháp luật, kiểm soát chặt chẽ thất thu ngân sách, giảm nợ thuế và hạn chế tối đa nợ không có khả năng thu; chủ động giữ vững nguồn thu ngân sách tỉnh để đảm bảo cân đối ngân sách toàn tỉnh; phấn đầu tăng thu ngân sách hàng năm từ 9% - 111% (không bao gồm các khoản thu ổn định) so với ước thực hiện năm trước, dự kiến năm 2025 thu ngân sách trên địa bàn đạt 6.250 tỷ đồng.

Phân đầu tổng thu ngân sách nhà nước cả giai đoạn 2021 - 2025 khoảng 80.396 tỷ đồng; trong đó, thu nội địa phân đầu đạt 27.300 tỷ đồng, tăng khoảng 1,25 lần so với giai đoạn 2016 - 2020, tỷ trọng thu nội địa bình quân khoảng 35% tổng thu ngân sách nhà nước.

Phân bổ, giao dự toán ngân sách nhà đảm bảo đúng tiêu chuẩn, định mức do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định, bố trí đủ kinh phí thực hiện các chính sách, chế độ đã ban hành, những nhiệm vụ quan trọng. Giữ cơ cấu hợp lý giữa tích lũy và tiêu dùng, tăng tỷ trọng chi đầu tư phát triển, giảm tỷ trọng chi thường xuyên (phân đầu đến năm 2025, chi đầu tư chiếm 19 - 20% tổng chi ngân sách, chi

thường xuyên giảm xuống còn dưới 62% tổng chi ngân sách), bảo đảm chi cho con người, chi an sinh xã hội và chi cho quốc phòng, an ninh. Từng bước cơ cấu lại chi ngân sách nhà nước theo hướng tích cực; thúc đẩy thực hành tiết kiệm chống lãng phí, cải cách hành chính nâng cao chất lượng dịch vụ công.

Tiếp tục triển khai nhanh và hiệu quả Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 và Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII; khuyến khích tăng thu, tiết kiệm chi, tinh giản biên chế nhanh hơn lộ trình để tăng thu nhập cho cán bộ, công chức. Hoàn thiện cơ chế hoạt động tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong từng lĩnh vực gắn với thúc đẩy lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công theo quy định; tạo điều kiện để cơ cấu lại chi ngân sách nhà nước, dành nguồn thực hiện cải cách tiền lương, đồng thời đẩy mạnh việc tinh giản biên chế, sắp xếp lại tổ chức bộ máy.

Quản lý hoạt động ngân hàng an toàn, hiệu quả, duy trì tốc độ tăng trưởng và dư nợ theo định hướng của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Tiếp tục thực hiện tốt các chính sách tín dụng đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa, kinh tế tập thể và chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; thực hiện các chương trình tín dụng chính sách xã hội góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân; thực hiện tín dụng xanh góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực, tăng cường bảo vệ môi trường. Mở rộng mạng lưới hoạt động của tổ chức tín dụng, đẩy mạnh thanh toán dịch vụ công qua ngân hàng.

2.6. Tiếp tục thực hiện cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước; tạo điều kiện, cơ hội, khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển

Tiếp tục cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động doanh nghiệp nhà nước; hoàn thành sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của các công ty lâm nghiệp thuộc tỉnh quản lý; tiếp tục thực hiện lộ trình thoái vốn gắn với chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp thành Công ty Cổ phần, thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp mà nhà nước không cần nắm giữ, đảm bảo đúng tiến độ, lộ trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt; nâng cao hiệu quả hoạt động công tác kiểm tra, giám sát đối với hoạt động của doanh nghiệp nhà nước⁽¹⁾.

Nghiên cứu, rà soát, bổ sung, cụ thể hóa và ban hành cơ chế chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế tư nhân, kinh tế tập thể theo chủ trương của Đảng và các quy định của Nhà nước, phù hợp với thực tiễn. Tăng cường đối thoại, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp; hỗ trợ thúc đẩy khởi nghiệp, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo; triển khai hiệu quả các cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn, đổi mới công nghệ, nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp.

Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, công khai minh bạch, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, bảo đảm quyền kinh doanh, quyền bình đẳng tiếp cận nguồn lực

⁽¹⁾ Dự kiến giai đoạn 2021-2025, tiếp tục tổ chức chuyển đổi từ 3 đến 5 đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần, dự kiến thu nộp ngân sách khoảng 15 tỷ đồng; thực hiện thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp, dự kiến thu nộp ngân sách khoảng 70 tỷ đồng.

và cơ hội kinh doanh. Tập trung làm lành mạnh hóa số doanh nghiệp trên địa bàn, để các doanh nghiệp thành lập và đi vào hoạt động một cách thực chất và hiệu quả hơn, kịp thời rà soát, giải thể những doanh nghiệp đăng ký song không hoạt động, không có đóng góp cho nền kinh tế.

Đẩy mạnh phát triển kinh tế tập thể trên địa bàn toàn tỉnh, nòng cốt là phát triển hợp tác xã. Cùng cố, nâng cao năng lực hoạt động của hợp tác xã hiện có, khuyến khích các hợp tác xã mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, phát triển số lượng thành viên, tăng cường huy động vốn để mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh; tăng cường hợp tác, liên kết với các Tập đoàn kinh tế lớn đẩy mạnh khâu sơ chế, bảo quản, chế biến và tiêu thụ nông sản sau thu hoạch; quan tâm hỗ trợ các hợp tác xã nông nghiệp và dịch vụ tham gia sản xuất nông nghiệp tốt, nông nghiệp theo hướng hữu cơ, ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao; tập trung sản xuất theo hướng sản xuất hàng hóa, có thương hiệu, tem nhãn, xuất xứ nguồn gốc.

2.7. Tập trung phát triển các vùng kinh tế

Tiếp tục phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của từng vùng kinh tế:

(1) Vùng kinh tế dọc Quốc lộ 6: Tiếp tục phát huy lợi thế vùng kinh tế động lực, đóng vai trò đầu tàu trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh;

(2) Vùng kinh tế dọc sông Đà tập trung khai thác tiềm năng của vùng lòng hồ thủy điện Sơn La, đẩy mạnh phát triển nông, lâm nghiệp, thủy sản; phát triển dịch vụ vận tải đường sông, công nghiệp điện và du lịch; tập trung thực hiện tốt công tác ổn định dân cư, phát triển kinh tế - xã hội vùng tái định cư các dự án thủy điện ổn định đời sống và sản xuất nhân dân vùng tái định cư thủy điện;

(3) Vùng cao và biên giới được xác định là địa bàn giữ vị trí trọng yếu về quốc phòng, an ninh, bảo vệ rừng, bảo vệ biên giới; quan tâm ưu tiên các nguồn lực đầu tư phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng thiết yếu; ổn định đời sống của nhân dân trong vùng. Tiếp tục xây dựng khu kinh tế cửa khẩu Chiềng Khương, huyện Sông Mã và Lóng Sập - huyện Mộc Châu.

3. Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, từng bước hiện đại

Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện đột phá chiến lược về xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ; ưu tiên và đa dạng hóa hình thức đầu tư cho các lĩnh vực trọng tâm như hạ tầng giao thông, đô thị, thủy lợi, giáo dục, y tế, hạ tầng nông thôn, hạ tầng viễn thông và công nghệ thông tin, hạ tầng khu công nghiệp.

Tập trung xây dựng và đưa vào khai thác 03 dự án giao thông trọng điểm trên địa bàn tỉnh (*tuyến cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu; tuyến tránh thành phố Sơn La; cải tạo, nâng cấp Cảng hàng không Nà Sản*); thực hiện cải tạo, nâng cấp các tuyến quốc lộ, đường tỉnh đã hư hỏng xuống cấp, đáp ứng nhu cầu đi lại, lưu thông hàng hóa; xóa bỏ các điểm đen, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông, điểm ngập úng; coi trọng bảo trì đường bộ; ưu tiên tập trung nguồn lực để đầu tư cứng hóa đường ô

tô đến trung tâm của 07 xã còn lại để đảm bảo mục tiêu đạt 100% các xã trên địa bàn tỉnh có đường ô tô đến trung tâm xã được cứng hóa.

Tiếp tục đẩy mạnh phong trào xây dựng đường giao thông nông thôn gắn với Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, phấn đấu hàng năm có từ 10 - 15 xã đạt tiêu chí số 02 về giao thông; huy động các nguồn vốn để đầu tư xây dựng các cầu dân sinh đảm bảo an toàn giao thông cho đồng bào dân tộc thiểu số.

Từng bước xây dựng và phát triển hoàn chỉnh hệ thống đô thị tỉnh có kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, xanh, thông minh và bền vững, đảm bảo hài hòa với nông thôn; có sức lan toả, nâng cao chất lượng sống người dân; phát triển thành phố Sơn La theo định hướng đô thị loại I, phấn đấu xây dựng huyện Mộc Châu trở thành thị xã.

Điều chỉnh, bổ sung kịp thời quy hoạch vùng huyện, vùng liên huyện, các quy hoạch kỹ thuật chuyên ngành đáp ứng nhu cầu phát triển. Tập trung nguồn lực, thu hút đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đô thị và các khu chức năng: Khu du lịch Quốc gia Mộc Châu; Khu di tích Quốc gia đặc biệt Nhà tù Sơn La; khu kinh tế cửa khẩu, tập trung tại Cửa khẩu Chiềng Khương và Cửa khẩu Lóng Sập.

Phát triển các chuỗi đô thị vệ tinh gồm Mộc Châu, Vân Hồ và Mai Sơn. Từng bước hoàn thiện hệ thống cấp nước sinh hoạt, hệ thống thoát nước, xử lý và thu gom rác thải đảm bảo cảnh quan đô thị và bảo vệ môi trường.

Phát triển hạ tầng thủy lợi theo hướng hiện đại hóa, tăng hiệu quả cấp nước cho sản xuất nông nghiệp, bảo vệ môi trường và từng bước thích ứng với biến đổi khí hậu. Thực hiện chủ trương xã hội hóa, khuyến khích các doanh nghiệp, hợp tác xã đầu tư, khai thác và quản lý hệ thống nước sinh hoạt nông thôn; phấn đấu đến năm 2025, 100% dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh.

Đầu tư phát triển hạ tầng Khu công nghiệp Mai Sơn, Khu công nghiệp Vân Hồ, các cụm công nghiệp tại các huyện, thành phố có tiềm năng phát triển công nghiệp như Phù Yên, thành phố Sơn La, Thuận Châu, Yên Châu, Sông Mã...

Từng bước hoàn thiện kết cấu hạ tầng xã hội; trong đó, đẩy mạnh xã hội hóa để thu hút đầu tư, phát triển kết cấu hạ tầng y tế, giáo dục, văn hóa thể thao, từng bước nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân; phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng viễn thông và công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu áp dụng công nghệ của Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, tạo nền tảng phát triển Chính quyền điện tử gắn với đô thị thông minh.

4. Ổn định đời sống và phát triển sản xuất bền vững của các hộ dân vùng tái định cư các công trình thủy lợi, thủy điện và các dự án di dân tái định cư khác trên địa bàn tỉnh

Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích, tạo mọi điều kiện thuận lợi để thu hút các nguồn lực khai thác tiềm năng, lợi thế của lòng hồ thủy điện Sơn La nhằm nâng cao thu nhập cho nhân dân khu vực lòng hồ nói chung, đồng bào vùng

tái định cư thủy điện Sơn La nói riêng (*trong đó: Xây dựng quy hoạch tổng thể phát triển khu du lịch quốc gia hồ thủy điện Sơn La trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt*).

Quan tâm chỉ đạo, thực hiện ổn định đời sống và sản xuất cho các hộ tái định cư; xây dựng các cơ chế chính sách của tỉnh nhằm xây dựng thành công các mô hình sản xuất tiêu biểu vùng tái định cư (*theo hướng khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất, chế biến, tiêu thụ các sản phẩm nông, lâm nghiệp*); chuyển đổi một số cây trồng hiệu quả thấp tại một số điểm tái định cư sang cây trồng khác có hiệu quả kinh tế cao; ứng dụng khoa học công nghệ, kỹ thuật vào sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp và chế biến sản phẩm để nâng cao năng suất, chất lượng và bền vững cho các hộ dân vùng tái định cư.

Huy động các nguồn lực để đầu tư, ổn định đời sống, sản xuất cho người dân sau tái định cư các dự án thủy lợi, thủy điện; trong đó, tập trung chỉ đạo thực hiện có hiệu quả Đề án “*Ổn định dân cư phát triển kinh tế xã hội vùng tái định cư thủy điện Sơn La*” Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt tại Quyết định số 666/QĐ-TTg ngày 31 tháng 5 năm 2018.

Rà soát, tích hợp các chính sách, nguồn lực của Trung ương và của tỉnh để xây dựng các khu (*các xã*), điểm tái định cư (*các bản*) theo tiêu chí nông thôn mới (*tiêu chí nông thôn mới nâng cao*) trên cơ sở tạo việc làm, nâng mức thu nhập của người dân vùng tái định cư các công trình thủy điện ngang bằng với mức thu nhập trung bình của toàn tỉnh.

Tiếp tục quan tâm, chỉ đạo kiện toàn hệ thống chính trị cơ sở; bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn vùng tái định cư. Phấn đấu trong giai đoạn 2021 - 2025, thu nhập bình quân đầu người của các hộ tái định cư tăng từ 1 - 3%/năm; tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân từ 2% - 3%/năm; tỷ lệ dân số vùng tái định cư thủy điện Sơn La, thủy điện Hòa Bình được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 100%.

Tăng cường bảo vệ và phát triển tài nguyên rừng, xây dựng hệ thống rừng đặc dụng, rừng phòng hộ đầu nguồn, khuyến khích tổ chức, hộ gia đình, cá nhân phát triển rừng sản xuất để phát huy tối đa tác dụng cải thiện điều kiện khí hậu, giữ đất, giữ nước, tăng khả năng phòng hộ hồ thủy điện Sơn La, Hòa Bình và bảo vệ môi trường sinh thái.

Tổ chức tổng kết, đánh giá chương trình ổn định dân cư, phát triển kinh tế - xã hội vùng tái định cư thủy điện Hòa Bình (*sau khi thực hiện hoàn thành Đề án 1460*); trên cơ sở đó rà soát, đánh giá các khó khăn, vướng mắc để trình Thủ tướng Chính phủ cho chủ trương xây dựng Đề án ổn định dân cư, phát triển kinh tế - xã hội vùng tái định cư thủy điện Hòa Bình (*giai đoạn 4*) nhằm ổn định bền vững đời sống, sản xuất cho nhân dân vùng Đề án.

5. Phát triển văn hóa, xã hội và thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao đời sống nhân dân

5.1. Công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân

Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện hệ thống tổ chức y tế của tỉnh theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả và hội nhập quốc tế, gắn với phát triển nguồn nhân lực y tế chất lượng cao. Phát triển mạng lưới Bệnh viện vệ tinh; tiếp tục phát triển các bệnh viện tuyến tỉnh theo hướng hiện đại, chuyên sâu; quan tâm đầu tư một số chuyên khoa sâu, chuyên khoa mũi nhọn tại một số bệnh viện đa khoa, chuyên khoa đầu ngành của tỉnh, thành lập Trung tâm Sản Nhi, Trung tâm Ung bướu trực thuộc Bệnh viện Đa khoa tỉnh Sơn La để giúp người bệnh được khám chữa bệnh chất lượng cao tại tỉnh, giảm tải cho tuyến Trung ương; tổ chức hệ thống Trạm Y tế xã, phường, thị trấn gắn với y tế học đường và phù hợp với đặc điểm của từng xã; phát triển y học gia đình, triển khai thí điểm mô hình phòng khám bác sĩ gia đình tại 38 Trạm Y tế xã.

Chú trọng công tác đào tạo và đào tạo lại để nâng cao trình độ chuyên môn cho cán bộ; đổi mới phong cách, thái độ phục vụ, nâng cao y đức; tiếp tục đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các cơ sở khám chữa bệnh, ưu tiên cho các xã vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên cơ sở thực hiện phân vùng theo Bộ tiêu chí Quốc gia về y tế xã. Thực hiện có hiệu quả Đề án xã hội hóa về công tác y tế, đảm bảo sự công bằng trong vấn đề chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe cho nhân dân.

Chủ động triển khai các biện pháp dự phòng tích cực; triển khai đồng bộ các hoạt động phòng, chống bệnh không lây nhiễm, bệnh mãn tính; chủ động phát hiện sớm và kiểm soát bệnh tật; bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm; chú trọng chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, sức khỏe người cao tuổi, người khuyết tật, người bị ảnh hưởng bởi hậu quả của chiến tranh và các đối tượng ưu tiên. Tập trung thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng dân số, duy trì mức sinh hợp lý, kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh; chuyển trọng tâm chính sách dân số từ kế hoạch hóa gia đình sang dân số và phát triển.

Mở rộng đối tượng tham gia bảo hiểm y tế, thực hiện lộ trình bảo hiểm y tế toàn dân; từng bước thiết lập hệ thống sổ sức khỏe điện tử của người dân. Phân đầu đến năm 2025 đạt 9 bác sĩ, 1 dược sĩ Đại học/10.000 dân, đạt 31 giường bệnh/10.000 dân trở lên, tỷ lệ người dân có thẻ bảo hiểm y tế đạt 96,2%, tỷ lệ tiêm chủng đầy đủ cho trẻ dưới 1 tuổi đạt 95%, tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi suy dinh dưỡng giảm còn 17,9%.

5.2. Phát triển sự nghiệp văn hóa, thể dục thể thao

Xây dựng và phát triển sự nghiệp văn hóa, thể thao theo định hướng xã hội chủ nghĩa, sâu rộng, bền vững, toàn diện, vừa tiên tiến, vừa đậm đà bản sắc dân tộc; nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân lực, đào tạo nhân tài, nâng cao mức hưởng thụ văn hóa của nhân dân các dân tộc; khắc phục sự chênh lệch về trình độ phát triển và điều kiện hưởng thụ văn hóa, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Tăng cường công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy các giá trị văn hóa vật thể, phi vật thể của hệ thống các di tích lịch sử văn hóa. Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*” gắn với cuộc vận động “*Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh*”; phổ biến, nhân rộng các điển hình tiên tiến và phát huy hiệu quả các danh hiệu văn hóa; đẩy mạnh công tác gia đình, phát huy giá trị tốt đẹp các mối quan hệ trong gia đình và hỗ trợ xây dựng gia đình hạnh phúc, bền vững; phòng chống bạo lực gia đình.

Khuyến khích xã hội hóa và huy động các nguồn vốn để xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao; đặc biệt là văn hóa, thể thao ở tổ, bản, tiểu khu vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Xử lý nghiêm các trường hợp lợi dụng tự do tôn giáo, tín ngưỡng, các vấn đề văn hóa để chống phá chế độ.

Đẩy mạnh cuộc vận động “*Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại*”; phát triển phong trào thể dục thể thao quần chúng phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, chú trọng phát triển các môn thể thao dân tộc, bảo tồn và phát huy các trò chơi dân gian truyền thống, từng bước đưa vào hệ thống thi đấu hàng năm cùng với các môn thể thao hiện đại. Đẩy mạnh việc đào tạo vận động viên ở các môn thể mạnh của tỉnh, tích cực áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong công tác tuyển chọn, huấn luyện vận động viên.

5.3. Thông tin, truyền thông

Tiếp tục đẩy mạnh công tác thông tin truyền thông theo hướng công khai, minh bạch, kịp thời và hiệu quả, tạo sự đồng thuận xã hội; khơi dậy tinh thần nỗ lực, năng động, sáng tạo, mạnh dạn đổi mới, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào mọi mặt của đời sống xã hội nhằm tận dụng hiệu quả các cơ hội từ những thay đổi mạnh mẽ, nhanh chóng của khoa học và công nghệ và Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Chú trọng phủ sóng phát thanh, truyền hình tới các vùng sâu, vùng xa, biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Thông tin đầy đủ, kịp thời các vấn đề được dư luận, xã hội quan tâm; tăng cường tiếp xúc, đối thoại, nhất là về cơ chế, chính sách gắn liền với cuộc sống của người dân và hoạt động của doanh nghiệp; đa dạng hóa hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật nhằm tạo sự chuyển biến trong nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật.

Đấu tranh chống lại các thông tin xuyên tạc, sai sự thật, lợi dụng mạng xã hội chống phá chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Phần đầu đến năm 2025 đạt 96,85% số hộ nghe được Đài Tiếng nói Việt Nam; 94,5% số hộ xem được Đài Truyền hình Việt Nam.

Thúc đẩy phát triển hạ tầng bưu chính làm hạ tầng chuyển phát, Logistic phục vụ cho thương mại điện tử và kinh tế số. Xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông hiện đại, an toàn có dung lượng lớn, tốc độ cao; mở rộng vùng phủ sóng di động băng rộng (3G, 4G, 5G) đến vùng sâu, vùng xa, biên giới, có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Đẩy nhanh xây dựng chính quyền điện tử hướng tới chính quyền số, đô thị thông minh, cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức 3, 4 cho người dân và doanh nghiệp. Tăng cường năng lực bảo vệ, bảo đảm an toàn, an ninh mạng, giữ vững chủ quyền số quốc gia trên không gian mạng.

5.4. Công tác xóa đói, giảm nghèo, an sinh xã hội và giải quyết việc làm

Triển khai đầy đủ, kịp thời các chính sách hỗ trợ cho người nghèo, cận nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, các đối tượng chính sách xã hội và các đối tượng dễ bị tổn thương khác; thực hiện chính sách xã hội hóa, huy động các nguồn lực để thực hiện tốt các chính sách ưu đãi, hỗ trợ người có công với cách mạng và những người thiệt thòi, yếu thế trong xã hội.

Đẩy mạnh các phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”, “Uống nước nhớ nguồn”, “Xã, phường làm tốt công tác thương binh, liệt sỹ, người có công”; đảm bảo 100% hộ gia đình người có công có mức sống bằng và cao hơn mức sống trung bình dân cư trên địa bàn, không còn hộ người có công nghèo.

Đẩy mạnh phát triển nhà ở xã hội nhằm đáp ứng nhu cầu cho các đối tượng theo quy định của Luật Nhà ở, nhất là người thu nhập thấp, người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp, cán bộ, công chức, viên chức...; tập trung triển khai hoàn thành dự án thí điểm xây dựng nhà ở xã hội tại phường Chiềng Sinh, thành phố Sơn La.

Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục ý thức tự vươn lên thoát nghèo của các hộ nghèo; rà soát, bổ sung, hoàn thiện các chính sách giảm nghèo, nhất là chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số, chuyển dần sang hỗ trợ có điều kiện gắn với đối tượng, địa bàn và thời hạn thụ hưởng nhằm khuyến khích sự tích cực, chủ động tham gia của người nghèo.

Tiếp tục tập trung nguồn lực đầu tư đồng bộ cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội ở các huyện nghèo, xã, bản đặc biệt khó khăn theo tiêu chí nông thôn mới, trước hết là hạ tầng thiết yếu như: giao thông, trường học, trạm Y tế, thủy lợi nhỏ, nước sinh hoạt. Xây dựng và vận hành có hiệu quả hệ thống dữ liệu theo dõi giảm nghèo đa chiều.

Triển khai thực hiện các chính sách dân tộc trên tất cả các lĩnh vực, nhất là các chính sách đặc thù giải quyết những khó khăn của đồng bào dân tộc thiểu số. Tập trung triển khai hiệu quả các đề án, chương trình về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Chủ động nắm chắc tình hình hoạt động của các tổ chức, cá nhân tôn giáo, tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động tôn giáo đảm bảo theo quy định của pháp luật; giải quyết kịp thời các vụ việc khiếu kiện, khiếu nại về tôn giáo; chủ động phòng ngừa, kiên quyết đấu tranh với những hành vi lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc.

Thực hiện hiệu quả các chính sách thúc đẩy bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ. Chú trọng công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ quyền lợi của trẻ em; nghiên cứu nhân rộng mô hình ngôi nhà an toàn đối với trẻ em. Chăm sóc và phát huy vai trò người cao tuổi, xây dựng và nhân rộng các hình mẫu gia đình văn minh, hạnh phúc.

Tiếp tục thực hiện các giải pháp hoàn thiện, phát triển thị trường lao động, chú trọng công tác hướng nghiệp, dự báo, ứng dụng công nghệ thông tin, kết nối cung - cầu nhân lực trong cả nước, khu vực. Mở rộng diện bao phủ, phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; tăng cường công tác quản lý nhà nước về chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, an toàn, vệ sinh lao động; xử lý nghiêm các vi phạm pháp luật về lao động.

Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, giáo dục phòng chống tệ nạn ma túy, mại dâm, phòng chống buôn bán người; huy động sự tham gia tích cực của các cấp, các ngành và nhân dân đối với công tác phòng chống tệ nạn xã hội, nhất là công tác cai nghiện, quản lý sau cai và công tác phòng, chống mại dâm. Nâng cao hiệu quả công tác dự phòng và điều trị nghiện nhằm giảm tác hại của nghiện ma túy, kiềm chế sự gia tăng số người nghiện mới, góp phần bảo đảm trật tự, an toàn xã hội và nâng cao sức khỏe nhân dân; hỗ trợ người nghiện tái hòa nhập cộng đồng.

6. Phát triển giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và tăng cường tiềm lực khoa học công nghệ

6.1. Về giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực

Đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa, dân chủ hóa, hội nhập quốc tế; tập trung vào nâng cao chất lượng, đặc biệt chất lượng giáo dục đạo đức, lối sống, năng lực sáng tạo, kỹ năng thực hành; xây dựng xã hội học tập, tạo cơ hội bình đẳng để ai cũng được học, học suốt đời, đặc biệt đối với người dân tộc thiểu số, người nghèo, con em diện chính sách.

Chú trọng xây dựng môi trường văn hóa học đường ngày càng tốt đẹp, phòng chống bạo lực học đường, ngăn chặn các biểu hiện, hành vi tham nhũng tiêu cực, bệnh thành tích, gắn với tăng cường giáo dục đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp cho đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý.

Duy trì, giữ vững kết quả phổ cập giáo dục và xóa mù chữ; thực hiện tốt chủ trương giáo dục hướng nghiệp và phân luồng học sinh sau trung học cơ sở. Thực hiện có hiệu quả chủ trương tổ chức nấu ăn tập trung tại các trường phổ thông có học sinh bán trú; tập trung đầu tư cơ sở vật chất các trường THPT chuyên, PTDT nội trú, PTDT bán trú trên địa bàn tỉnh phù hợp với điều kiện thực tế, từng bước bảo đảm sự công bằng, bình đẳng trong giáo dục. Phát triển và nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục, bảo đảm các điều kiện cơ bản để thực hiện tốt chương trình giáo dục phổ thông và sách giáo khoa mới.

Đổi mới phương thức và nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục nghề nghiệp gắn với việc làm và theo nhu cầu xã hội; sắp xếp hợp lý các cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo hướng hình thành các cơ sở đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực, đạt chuẩn khu vực và quốc tế, đặc biệt đối với 8 lĩnh vực - ngành nghề có khả năng dịch chuyển lao động trong khu vực ASEAN; mở rộng, đa dạng hóa các hình thức đào tạo, đẩy mạnh xã hội hóa, khuyến khích phát triển các cơ sở giáo dục nghề nghiệp ngoài công lập; ưu tiên đào tạo nhân lực cho các dân tộc thiểu số và các vùng đặc biệt khó khăn bằng các hình thức phù hợp; tiếp tục xây dựng Sơn La trở thành trung tâm đào tạo nguồn nhân lực của vùng Tây Bắc và các tỉnh Bắc Lào.

Nâng cao chất lượng lao động, năng suất lao động, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu lao động từ nông nghiệp sang phi nông nghiệp; phát triển nguồn nhân lực khu vực nông thôn đáp ứng yêu cầu xây dựng nông thôn mới; tăng cường đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, lao động tay nghề cao đáp ứng yêu cầu thị trường lao động trong nước và xuất khẩu lao động; tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến khích, thu hút, sử dụng nhân tài, nguồn nhân lực chất lượng cao. Phần đầu tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 65% vào năm 2025; trong đó, tỷ lệ lao động được cấp bằng, chứng chỉ đạt 30%.

6.2. Phát triển khoa học và công nghệ

Tiếp tục đổi mới đồng bộ cơ chế, chính sách, phương thức quản lý tổ chức, hoạt động khoa học và công nghệ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học, xây dựng nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng sát với thực tiễn; nâng cao chất lượng tư vấn của các hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ.

Khuyến khích và tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế tham gia nghiên cứu khoa học và đổi mới công nghệ; thúc đẩy mối liên kết ba bên giữa nhà khoa học, tổ chức khoa học và công nghệ - doanh nghiệp - nhà nước; phát triển thị trường khoa học và công nghệ gắn với thực thi pháp luật về sở hữu trí tuệ nhằm thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu, khai thác sáng chế, ứng dụng và phát triển công nghệ, khuyến khích sáng tạo khoa học và công nghệ. Tập trung triển khai ứng dụng công nghệ cao, công nghệ 4.0 trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Chuẩn bị các điều kiện thành lập Trung tâm Hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của tỉnh; hoàn thiện và đưa vào vận hành Cổng Thông tin khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của tỉnh kết nối với cổng thông tin khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia; tổ chức các hoạt động về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo theo chuỗi liên kết.

Duy trì, phát triển các sản phẩm đã được cấp văn bằng bảo hộ và tiếp tục xây dựng thương hiệu các sản phẩm nông nghiệp của tỉnh, lựa chọn các sản phẩm đáp ứng yêu cầu xuất khẩu để đăng ký bảo hộ tại nước ngoài.

7. Quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên; tăng cường bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống và giảm nhẹ thiên tai

Tiếp tục rà soát, hoàn thiện các cơ chế, chính sách tạo thuận lợi cho công tác quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh. Triển khai lập và thực hiện quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu 2021 - 2025. Nâng cao hiệu quả sử dụng đất, ngăn chặn tình trạng sử dụng đất lãng phí; tăng cường thanh tra, kiểm tra việc quản lý, sử dụng đất, kịp thời phát hiện, xử lý dứt điểm các vi phạm, tranh chấp, lấn chiếm đất.

Thúc đẩy phát triển thị trường quyền sử dụng đất; xây dựng cơ chế để đẩy mạnh việc khai thác nguồn lực đất đai cho phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh. Quản lý các dự án khai thác tài nguyên nước, khoáng sản gắn với bảo vệ môi trường, giảm thiểu mức độ gia tăng ô nhiễm, phục hồi suy thoái.

Tăng cường đổi mới công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao ý thức trách nhiệm của các cấp, các ngành, doanh nghiệp và người dân về bảo vệ môi trường và phát triển kinh tế xanh, bền vững; hình thành thiết chế văn hóa, đạo đức, ứng xử thân thiện với môi trường. Đẩy mạnh xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường, khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia hoạt động thu gom, vận chuyển, tái chế, xử lý chất thải; mời gọi đầu tư xây dựng khu liên hợp xử lý chất thải tập trung.

Thực hiện các tiêu chí môi trường trong xây dựng nông thôn mới, bảo vệ môi trường trong canh tác trên đất dốc; xử lý dứt điểm tình trạng ô nhiễm tại các cơ sở chế biến; tăng cường quản lý đối với các nhà máy thủy điện, cơ sở khai thác, chế biến khoáng sản, sản xuất vật liệu xây dựng; vận hành lò đốt và hệ thống xử lý chất thải y tế, xử lý chất thải nguy hại.

Triển khai thực hiện quy hoạch tổng thể bảo tồn đa dạng sinh học quốc gia. Tăng cường quản lý bảo tồn đa dạng sinh học. Kiểm tra, kiểm soát và ngăn ngừa loài ngoại lai xâm hại; quản lý an toàn sinh học đối với sinh vật biến đổi gen; điều tra, lập danh mục, bảo vệ và phát triển nguồn gen; xây dựng cơ sở dữ liệu về đa dạng sinh học. Tăng cường bảo vệ các hệ sinh thái đất ngập nước có giá trị quốc tế, quốc gia trên địa bàn tỉnh.

Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai, giám sát biến đổi khí hậu. Chủ động phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu; kịp thời ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai và cứu nạn, cứu hộ, sớm ổn định đời sống dân cư. Nâng cao khả năng chống chịu; huy động nguồn lực đầu tư các công trình, dự án ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai; phòng, chống ngập úng đô thị.

8. Nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả của chính quyền các cấp; đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong công tác cải cách hành chính

Tiếp tục triển khai thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp về đẩy mạnh cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính, nâng cao năng lực quản lý điều hành của chính quyền các cấp; phấn đấu đến năm 2025, chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX) của tỉnh nằm trong nhóm khá của cả nước, chỉ số đo lường sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước

(SIPAS) đạt trên 80%, chỉ số Hiệu quả quản trị và Hành chính công (PAPI) đạt điểm trung bình cao trong nhóm các tỉnh vùng Trung du và miền núi phía Bắc.

Đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; thực hiện tinh giản biên chế gắn với đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức, siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong hoạt động công vụ; quan tâm đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động, phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước gắn với công khai, minh bạch, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp; đề cao trách nhiệm giải trình của các cơ quan, cán bộ nhà nước.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động của cơ quan nhà nước, xây dựng và thực hiện Chính phủ điện tử, chính quyền số. Tiếp tục áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO trong hoạt động các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước.

Đẩy mạnh cải cách, nâng cao hiệu quả hoạt động của cơ quan tư pháp; thực hiện có hiệu quả chủ trương xã hội hóa hoạt động hỗ trợ tư pháp nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực hành chính tư pháp. Nâng cao hiệu quả và rút ngắn thời gian giải quyết tranh chấp, thi hành án trong lĩnh vực dân sự, đầu tư, kinh doanh, thương mại và bảo vệ người tiêu dùng.

Tăng cường, nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra; triển khai đồng bộ các giải pháp phòng, chống tham nhũng, lãng phí; kiên quyết xử lý, khắc phục tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân và doanh nghiệp. Nâng cao hiệu quả công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; thực hiện nghiêm trách nhiệm tiếp công dân của người đứng đầu. Tiếp nhận, giải quyết kịp thời và công khai kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp; giải quyết dứt điểm các vụ khiếu nại, tố cáo đông người phức tạp, kéo dài, dư luận xã hội quan tâm.

9. củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội

Tiếp tục củng cố tiềm lực quốc phòng, an ninh; từng bước xây dựng nền an ninh nhân dân và thế trận an ninh nhân dân vững chắc. Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh, chú trọng vùng sâu, vùng xa, biên giới; tăng cường công tác phòng, chống tội phạm qua biên giới và các hoạt động có dấu hiệu liên quan đến thế lực phản động, thù địch.

Huy động và phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị, nhất là hệ thống chính trị ở cơ sở và của toàn dân tham gia phòng chống tội phạm, bảo đảm an ninh, trật tự ngay tại cơ sở; thực hiện có hiệu quả phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

Triển khai đồng bộ các giải pháp bảo đảm an ninh chính trị nội bộ, an ninh kinh tế, an ninh văn hóa tư tưởng, an ninh mạng, bảo vệ bí mật nhà nước. Tập trung phát hiện, ngăn chặn, vô hiệu hóa âm mưu, hoạt động chống phá của các thế

lực thù địch, phản động; kiềm chế gia tăng tội phạm, đẩy lùi tệ nạn xã hội, triệt xóa các tụ điểm phức tạp về trật tự xã hội; giảm thiểu tai nạn giao thông; tăng cường công tác phòng, chống cháy nổ.

10. Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại và chủ động hội nhập quốc tế

Tiếp tục triển khai có hiệu quả chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước trong thời kỳ hội nhập quốc tế; thực hiện phương châm đối ngoại linh hoạt, cởi mở; đưa quan hệ đối ngoại đi vào chiều sâu, thực chất. Chú trọng quan hệ hữu nghị đặc biệt và hợp tác toàn diện với 09 tỉnh của nước CHDCND Lào; quan tâm công tác phát triển cửa khẩu, phát triển thương mại biên giới. Triển khai quy trình, thủ tục mở mới cặp Cửa khẩu phụ giữa tỉnh Sơn La với tỉnh Luông Pha Bang.

Duy trì, mở rộng hợp tác quốc tế, chú trọng mở rộng hợp tác với một số địa phương của các nước ngoài khu vực, hợp tác với các tổ chức quốc tế, các cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài tại Việt Nam để tăng cường quảng bá, giới thiệu tiềm năng lợi thế của tỉnh ra cộng đồng quốc tế, vận động thu hút đầu tư vào các lĩnh vực tiềm năng, thế mạnh của tỉnh, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; tranh thủ tối đa các nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), viện trợ phi chính phủ nước ngoài (NGOs), đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) và các nguồn lực khác phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trên cơ sở những nhiệm vụ cụ thể trong Chương trình hành động này; căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố khẩn trương chỉ đạo tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của đơn vị mình trong giai đoạn 2021 - 2025, cụ thể hóa thành các nhiệm vụ cụ thể trong kế hoạch hàng năm.

Đối với các nhiệm vụ không phải triển khai theo đề án, chương trình, cần tổ chức triển khai ngay để đảm bảo thực hiện một cách kịp thời và hiệu quả những nội dung của Chương trình hành động; đồng thời tiếp tục xây dựng, rà soát, sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án, đề án trình UBND tỉnh trong giai đoạn 2021 - 2025 đảm bảo phù hợp, kịp thời đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố tập trung chỉ đạo, tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Chương trình hành động này; định kỳ hàng năm có báo cáo đánh giá kết quả thực hiện gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

3. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan tổ chức theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Chương trình hành động này của các sở, ban, ngành, các địa phương, các doanh nghiệp, định kỳ báo cáo và kiến nghị gửi UBND tỉnh về các biện pháp cần thiết, bảo đảm chương trình được thực hiện hiệu quả và đồng bộ.

4. Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Đài phát thanh truyền hình tỉnh, Báo Sơn La, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các cơ quan, đơn vị làm tốt công tác thông tin, tuyên truyền nhằm tạo sự đồng thuận xã hội, phát huy tinh thần nỗ lực của các cấp, các ngành, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân để phấn đấu thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ đã được HĐND tỉnh thông qua.

5. Trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình hành động, nếu có nội dung cần sửa đổi, bổ sung thuộc Chương trình hành động, các cơ quan, đơn vị chủ động đề xuất, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp và báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Hoàng Quốc Khánh

**CÁC CÔNG VIỆC CỤ THỂ THUỘC CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG
THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT CỦA HĐND TỈNH VỀ KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN
KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2021 - 2025**

(Kèm theo Quyết định số 139/QĐ-UBND ngày 20/01/2021 của UBND tỉnh)

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Thời gian thực hiện
I	Hoàn thiện hệ thống các cơ chế, chính sách phù hợp với yêu cầu phát triển và hội nhập kinh tế quốc tế				
1	Nâng cao chất lượng thẩm định văn bản quy phạm pháp luật	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố		Hàng năm
2	Xây dựng Kế hoạch thực hiện công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật; kịp thời phát hiện và đề xuất xử lý các văn bản trái quy định, mâu thuẫn, chồng chéo, hết hiệu lực, không còn phù hợp.	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố		Hàng năm
3	Tiếp tục thực hiện Đề án đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật tại địa phương	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố		Hàng năm
4	Tham mưu ban hành các văn bản quy phạm pháp luật thể chế hóa các chính sách, quy định để nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, đảm bảo thống nhất, phù hợp với quy định hiện hành và điều kiện thực tiễn của địa phương	Các sở, ngành			Hàng năm
5	Xây dựng và tổ chức thực hiện hiệu quả Quy hoạch tỉnh Sơn La thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Năm 2021	Hàng năm

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Thời gian thực hiện
II	Đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại các ngành kinh tế bảo đảm thực chất, hiệu quả; nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của các ngành, lĩnh vực; huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực, tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng xanh và bền vững				
1	Xây dựng Đề án thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2021 - 2025 gắn với xây dựng Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về định hướng thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2021 - 2025	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Quý I/2021	Giai đoạn 2021 - 2025
2	Chuẩn bị tổ chức Hội nghị xúc tiến đầu tư tỉnh Sơn La năm 2021	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Tháng 3/2021	
3	Tiếp tục thực hiện Kế hoạch cơ cấu lại đầu tư công giai đoạn 2017 - 2020, định hướng đến năm 2025 của Chính phủ	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố		Giai đoạn 2021 - 2025
4	Xây dựng Kế hoạch tài chính 5 năm địa phương giai đoạn 2021 - 2025; kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 3 năm và hàng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Giai đoạn 2021 - 2025	
5	Xây dựng Kế hoạch vay và trả nợ các khoản vay giai đoạn 2021 - 2025	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Năm 2021	Giai đoạn 2021 - 2025

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Thời gian thực hiện
6	Rà soát, tham mưu ban hành bộ đơn giá xây dựng, đơn giá nhân công, máy xây dựng, đơn giá dịch vụ công ích	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố		Hàng năm
7	Tham mưu phương án sử dụng cát nghiền trong xây dựng; Nghiên cứu tham mưu chính sách khuyến khích sản xuất, sử dụng các chủng loại vật liệu mới thay thế dần vật liệu truyền thống nhằm giảm thiểu ảnh hưởng đến môi trường	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Năm 2021	
8	Quy hoạch vùng liên huyện: Lập quy hoạch vùng dọc trục Quốc lộ 6; Lập quy hoạch vùng lòng hồ thủy điện; Lập quy hoạch vùng biên giới	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố	Năm 2021	
9	Lập quy hoạch chung các đô thị mới	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố	Giai đoạn 2021 - 2025	
10	Xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý quy hoạch, cung cấp thông tin quy hoạch trực tuyến trên nền tảng hệ thống công nghệ thông tin địa lý toàn cầu, điện toán đám mây	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố	Năm 2021	
11	Xây dựng Đề án phát triển nông, lâm nghiệp và thủy sản tập trung, bền vững, ứng dụng công nghệ cao đến năm 2025, định hướng đến năm 2030	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Tháng 1/2021	Giai đoạn 2021 - 2025

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Thời gian thực hiện
12	Xây dựng Đề án phát triển lĩnh vực trồng trọt theo hướng an toàn và bền vững đến năm 2025, định hướng đến năm 2030	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Quý II/2021	Giai đoạn 2021 - 2025
13	Xây dựng Đề án phát triển thủy sản bền vững đến năm 2025, định hướng đến năm 2030	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Quý II/2021	Giai đoạn 2021 - 2025
14	Xây dựng Đề án phát triển lâm nghiệp bền vững đến năm 2025, định hướng đến năm 2030	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Quý II/2021	Giai đoạn 2021 - 2025
15	Xây dựng Đề án phát triển chăn nuôi bền vững đến năm 2025, định hướng đến năm 2030	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Quý II/2021	Giai đoạn 2021 - 2025
16	Xây dựng Đề án phát triển vùng nguyên liệu cà phê gắn với chế biến bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Sơn La	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Quý I/2021	Giai đoạn 2021 - 2025
17	Xây dựng dự thảo Nghị quyết thông qua Đề án thành lập Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Mộc Châu	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Quý II/2021	Giai đoạn 2021 - 2025
18	Xây dựng Quyết định của UBND tỉnh quy định đặt hàng đối với nhiệm vụ đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Quý IV/2021	
19	Tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP)	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố		Hàng năm

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Thời gian thực hiện
20	Xây dựng Quyết định của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch phát triển thương mại điện tử tỉnh Sơn La giai đoạn 2021 - 2025	Sở Công thương	Các sở ban ngành, UBND các huyện, thành phố	Năm 2021	Giai đoạn 2021 - 2025
21	Xây dựng Quyết định của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch xúc tiến thương mại đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm hàng hóa tỉnh Sơn La giai đoạn 2021 - 2025	Sở Công thương	Các sở ban ngành, UBND các huyện, thành phố	Năm 2021	Giai đoạn 2021 - 2025
22	Xây dựng Quyết định của UBND tỉnh ban hành Chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả tỉnh Sơn La giai đoạn 2021 - 2025	Sở Công thương	Các sở ban ngành, UBND các huyện, thành phố	Năm 2021	Giai đoạn 2021-2025
23	Xây dựng Quyết định của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch sản xuất sạch hơn trong công nghiệp tỉnh Sơn La giai đoạn 2021 - 2025	Sở Công thương	Các sở ban ngành, UBND các huyện, thành phố	Năm 2021	Giai đoạn 2021 - 2025
24	Xây dựng Quyết định của UBND tỉnh ban hành Chương trình khuyến công tỉnh Sơn La giai đoạn 2021 - 2025	Sở Công thương	Các Sở ban ngành, UBND các huyện, thành phố	Năm 2021	Giai đoạn 2021 - 2025
25	Xây dựng Đề án phát triển công nghiệp chế biến nông sản trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030	Sở Công thương	Các Sở ban ngành, UBND các huyện, thành phố	Tháng 1/2021	Giai đoạn 2021 - 2025
26	Xây dựng Đề án phát triển du lịch tỉnh Sơn La đến năm 2025, định hướng đến năm 2030	Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Tháng 1/2021	Giai đoạn 2021 - 2025

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Thời gian thực hiện
27	Xây dựng Đề án phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của hợp tác xã kiểu mới gắn với tái cơ cấu nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2021 - 2025	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Giai đoạn 2021 - 2022	Giai đoạn 2021 - 2025
28	Triển khai thực hiện Quyết định số 1834/QĐ-UBND ngày 26/7/2020 của UBND tỉnh Sơn La về việc ban hành Đề án Hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2019 - 2025	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố		Giai đoạn 2021 - 2025
III	Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, từng bước hiện đại				
1	Xây dựng Đề án phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội theo hướng đồng bộ giai đoạn 2021 - 2025 gắn với xây dựng Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2025	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Quý I/2021	Giai đoạn 2021 - 2025
2	Triển khai thực hiện chương trình phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh Sơn La đến năm 2020, định hướng đến năm 2025	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố		Giai đoạn 2021 - 2025
3	Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch phát triển nhà ở tỉnh Sơn La giai đoạn 2021 - 2025	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Năm 2021	Giai đoạn 2021 - 2025

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Thời gian thực hiện
IV	Ổn định đời sống và phát triển sản xuất bền vững của các hộ dân vùng tái định cư các công trình thủy lợi, thủy điện và các dự án di dân tái định cư khác trên địa bàn tỉnh				
1	Triển khai hiệu quả Đề án "Ổn định dân cư, phát triển kinh tế - xã hội vùng tái định cư thủy điện Sơn La" (Đề án 666)	BQL dự án di dân tái định cư thủy điện Sơn La	Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố		Giai đoạn 2021 - 2025
2	Tổng kết, đánh giá Đề án "Ổn định dân cư, phát triển kinh tế - xã hội vùng tái định cư thủy điện Hòa Bình" (sau khi thực hiện hoàn thành Đề án 1460); nghiên cứu tham mưu trình Thủ tướng Chính phủ cho chủ trương xây dựng Đề án ổn định dân cư, phát triển kinh tế - xã hội vùng tái định cư thủy điện Hòa Bình (giai đoạn 4)	BQL dự án di dân tái định cư thủy điện Sơn La	Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố		Giai đoạn 2021 - 2025
V	Phát triển văn hóa, xã hội và thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao đời sống nhân dân				
1	Tiếp tục triển khai Kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn 2011 - 2020, tầm nhìn đến năm 2030 của tỉnh Sơn La	Sở Y tế	Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố		Hàng năm
2	Triển khai thực hiện Chương trình hành động về tăng cường công tác dân số trong tình hình mới	Sở Y tế	Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố		Hàng năm

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Thời gian thực hiện
3	Triển khai thực hiện các dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia về y tế, Dân số - KHHGĐ, An toàn vệ sinh thực phẩm, phòng chống HIV/AIDS	Sở Y tế	Các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố		Hàng năm
4	Tiếp tục triển khai Đề án xã hội hóa các hoạt động trong lĩnh vực y tế	Sở Y tế	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố		Hàng năm
5	Kế hoạch bảo tồn, phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số tỉnh Sơn La	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	UBND các huyện, thành phố, các đơn vị trực thuộc	Năm 2021	
6	Kế hoạch lập hồ sơ di sản đề nghị công nhận và đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	UBND các huyện, thành phố, các đơn vị trực thuộc	Năm 2021	
7	Kế hoạch bảo tồn và phát huy di sản văn hóa phi vật thể trong Danh mục Quốc gia	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	UBND các huyện, thành phố, các đơn vị trực thuộc	Năm 2024 - 2025	
8	Kế hoạch tổ chức các hoạt động tuyên truyền, văn hóa, văn nghệ chào mừng các ngày lễ lớn và các sự kiện trọng đại	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các sở, ban ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố		Hàng năm
9	Kế hoạch đăng cai tổ chức Liên hoan hát Then, đàn tính các dân tộc Tày, Nùng, Thái năm 2021	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các sở, ban, ngành liên quan	Năm 2021	Năm 2021
10	Kế hoạch đăng cai Ngày hội văn hóa dân tộc Thái lần thứ III năm 2024	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các sở, ban ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố, các tỉnh có dân tộc Thái	Năm 2024	Năm 2024
11	Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tuyên truyền quảng cáo ngoài trời	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Giao thông vận tải; UBND các huyện, thành phố		Hàng năm

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Thời gian thực hiện
12	Kế hoạch thực hiện Đề án: "Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ trong hoạt động thư viện ở Việt Nam"	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Thư viện tỉnh Sơn La		Năm 2021
13	Đề án đào tạo tài năng nghệ thuật ca, múa, nhạc các dân tộc tỉnh Sơn La	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Nội vụ, Sở Tài chính; Nhà hát ca múa nhạc		Giai đoạn 2022 - 2025
14	Đề án sưu tầm phục chế, cải tiến nâng cao nhạc cụ truyền thống một số dân tộc tỉnh Sơn La	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Tài chính, Hội Liên hiệp VHNT, Nhà hát ca múa nhạc		Năm 2022
15	Đề án bảo tồn nghệ thuật truyền thống dân gian các dân tộc tỉnh dưới dạng chương trình biểu diễn thực cảnh phục vụ Du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Tài chính, Nhà hát ca múa nhạc		Năm 2024 - 2025
16	Kế hoạch tổ chức các hoạt động thi đấu thể thao tại tỉnh và tham gia các giải quần chúng khu vực, toàn quốc	Sở Văn hóa, Thể thao & Du lịch	Hội người cao tuổi, Sở Giáo dục, Hội bảo trợ người tàn tật và trẻ mồ côi, Liên đoàn Cầu lông Sơn La, Tỉnh đoàn Sơn La, UBND các huyện		Hàng năm
17	Kế hoạch ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân giai đoạn 2020 - 2030	Sở Văn hóa, Thể thao & Du lịch	Các huyện đăng cai		Hàng năm
18	Kế hoạch triển khai Đề án phát triển TDTT quần chúng	Sở Văn hóa, Thể thao & Du lịch	Trung tâm Huấn luyện & Thi đấu TDTT tỉnh, huyện	Năm 2021	Hàng năm
19	Kế hoạch triển khai Đề án Thể thao thành tích cao	Sở Văn hóa, Thể thao & Du lịch	Trung tâm Huấn luyện & Thi đấu TDTT tỉnh, huyện	Năm 2021	Hàng năm
20	Kế hoạch triển khai Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" giai đoạn 2021 - 2025	Sở Văn hóa, Thể thao & Du lịch	Các sở, ban ngành	Năm 2021	Hàng năm

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Thời gian thực hiện
21	Các dự án triển khai Đề án “Đổi mới, nâng cao chất lượng và hiệu quả của Bảo tàng tỉnh Sơn La gắn với phát triển du lịch giai đoạn 2020 - 2025, tầm nhìn 2030”	Sở Văn hóa, Thể thao & Du lịch	Các sở, ban, ngành, Bảo tàng tỉnh		Hàng năm
22	Xây dựng Trung tâm Giám sát, điều hành đô thị thông minh tỉnh Sơn La	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	Năm 2022	
23	Hệ thống Camera giám sát an ninh tỉnh Sơn La	Sở Thông tin và Truyền thông	Công an tỉnh; UBND các huyện, thành phố	Năm 2021	
24	Triển khai các dịch vụ của đô thị thông minh tỉnh Sơn La	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	Năm 2023	
25	Xây dựng cơ chế, giải pháp cụ thể để hỗ trợ, khuyến khích phát triển nhà ở xã hội theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố		Hàng năm
26	Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án đổi mới và phát triển trợ giúp xã hội giai đoạn 2016 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030	Sở LĐ-TB&XH	Các sở, ngành; UBND các huyện, thành phố		Hàng năm
27	Xây dựng các mô hình hỗ trợ người cai nghiện ma túy, người bán dâm và mô hình hỗ trợ nạn nhân bị mua bán, tại cộng đồng	Sở LĐ-TB&XH	Các sở, ngành; UBND các huyện, thành phố		Hàng năm
28	Kế hoạch về công tác đối với đạo Công giáo giai đoạn 2021 - 2023	Sở Nội vụ	Công an tỉnh, Sở TN&MT, Sở Xây dựng, Sở VH&TT&DL, UBND các huyện, thành phố	Quý I/2021	Giai đoạn 2021 - 2025

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Thời gian thực hiện
29	Kế hoạch công tác đối với đạo Tin lành 5 năm giai đoạn 2021 - 2025	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành của tỉnh; UBND các huyện, thành phố	Quý I/2021	Giai đoạn 2021 - 2025
30	Triển khai hiệu quả Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030	Ban Dân tộc	Các sở, ban, ngành của tỉnh; UBND các huyện, thành phố		Giai đoạn 2021 - 2030
VI	Phát triển giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và tăng cường tiềm lực khoa học công nghệ				
1	Xây dựng Đề án phát triển nguồn nhân lực tỉnh Sơn La giai đoạn 2020 - 2025, định hướng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Sở LĐ-TB&XH	Các sở, ngành; UBND các huyện, thành phố	Tháng 12/2020	Giai đoạn 2021-2025
2	Xây dựng Đề án tăng cường cơ sở vật chất thực hiện Chương trình giáo dục mầm non và phổ thông giai đoạn 2021 - 2025	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố	Năm 2021	Giai đoạn 2021 - 2025
3	Tiếp tục triển khai Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố		Hàng năm
4	Tiếp tục thực hiện Đề án quảng bá và phát triển thương hiệu của tỉnh giai đoạn 2018 - 2021	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố		Năm 2021
5	Xây dựng, triển khai Kế hoạch Chiến lược phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh Sơn La đến năm 2030	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố	Giai đoạn 2021 -2025	Hàng năm

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Thời gian thực hiện
6	Xây dựng, triển khai Chương trình Hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh Sơn La đến năm 2030.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố	Giai đoạn 2021 - 2025	Hàng năm
7	Xây dựng, triển khai Chương trình hỗ trợ đổi mới công nghệ để nâng cao trình độ và năng lực công nghệ sản xuất của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2021 - 2025.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố	Giai đoạn 2021 - 2025	Hàng năm
8	Xây dựng, triển khai Kế hoạch hỗ trợ phát doanh nghiệp khoa học công nghệ trên địa bàn tỉnh đến năm 2025	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố	Giai đoạn 2021 - 2025	Hàng năm
9	Xây dựng, triển khai Kế hoạch khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố	Năm 2021	Năm 2021 - 2025
10	Kế hoạch thực hiện Đề án “Tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Sơn La	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố; Hiệp hội doanh nghiệp	Năm 2030	Hàng năm
11	Thực hiện “Đề án triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc” trên địa bàn tỉnh Sơn La	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố, các tổ chức liên quan	Năm 2030	Hàng năm

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Thời gian thực hiện
12	Thực hiện “Chương trình quốc gia về hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Sơn La	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố, các tổ chức liên quan	Năm 2030	Hàng năm
VII	Quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên; tăng cường bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống và giảm nhẹ thiên tai				
1	Triển khai dự án Tăng cường năng lực quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh Sơn La sử dụng vốn vay Ngân hàng Thế giới (VILG)	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố		Giai đoạn 2017 - 2022
2	Xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai của 04 huyện (Thuận Châu, Quỳnh Nhai, Bắc Yên)	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố		Giai đoạn 2021 - 2025
3	Lập Kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2021 - 2025) tỉnh Sơn La	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố		Năm 2021
4	Điều tra, đánh giá ô nhiễm đất, phân hạng đất nông nghiệp tỉnh Sơn La	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở NN&PTNT, UBND các huyện, thành phố		Giai đoạn 2021 - 2022
5	Lập kế hoạch sử dụng đất 05 năm kỳ đầu (2021 - 2025), kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện	UBND huyện, thành phố	Sở Tài nguyên và Môi trường		Hàng năm
6	Xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu nền địa lý tỉnh Sơn La	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố		Giai đoạn 2021 - 2024
7	Đề án tăng cường quản lý đất đai có nguồn gốc từ các nông, lâm trường	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố		Giai đoạn 2020 - 2022

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Thời gian thực hiện
8	Điều chỉnh, bổ sung khoanh định khu vực cấm hoạt động khoáng sản; khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Sơn La	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố		Giai đoạn 2022 - 2025
9	Xây dựng hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Sơn La	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố		Giai đoạn 2020 - 2022
10	Phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn thành phố Sơn La	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ngành, UBND thành phố		Giai đoạn 2020 - 2024
11	Xây dựng Đề án nâng cao năng lực cho cán bộ chuyên trách về biến đổi khí hậu; xây dựng cập nhật cơ sở dữ liệu liên quan đến biến đổi khí hậu	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố		Năm 2021
12	Triển khai dự án Tăng cường năng lực quan trắc môi trường tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố		Giai đoạn 2020 - 2025
13	Đầu tư hệ thống xử lý rác thải rắn sinh hoạt nông thôn	Sở Tài nguyên và Môi trường	UBND các huyện, thành phố		Giai đoạn 2022 - 2025
14	Quan trắc chất lượng môi trường tỉnh Sơn La	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố		Giai đoạn 2021 - 2025
15	Dự án Xây dựng hệ thống giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước đối với các hồ chứa thủy điện vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh Sơn La	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố		Giai đoạn 2020 - 2021
16	Điều tra, đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải của các sông suối chính trên địa bàn tỉnh Sơn La và lập bản đồ phân vùng tiếp nhận nước thải của nguồn nước	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố		Giai đoạn 2020 - 2022

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Thời gian thực hiện
17	Điều tra, đánh giá thực trạng về lưu lượng, chất lượng nguồn cấp nước cho các đô thị, nông thôn, xây dựng phương án thay thế nguồn nước cấp để đảm bảo cấp nước lâu dài và bền vững cho các đô thị, nông thôn	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố		Giai đoạn 2022 - 2025
18	Tiếp tục triển khai Kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu; Kế hoạch ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố		Hàng năm
19	Kế hoạch phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Quý I/2021	Giai đoạn 2021 - 2025
VIII	Nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả của chính quyền các cấp; đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong công tác cải cách hành chính				
1	Xây dựng Đề án về cải cách hành chính	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Tháng 12/2020	Giai đoạn 2021 - 2025
2	Kế hoạch triển khai Quyết định số 893/QĐ-TTg ngày 25/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức viên chức	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố		Hàng năm
3	Xây dựng Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 theo sự chỉ đạo của Chính phủ	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Quý I/2021	Hàng năm

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Thời gian thực hiện
4	Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Sơn La giai đoạn 2021 - 2025	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Quý I/2021	Giai đoạn 2021 - 2025
5	Triển khai Đề án đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2025	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố		Hàng năm
6	Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về tinh giản biên chế; Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố		Hàng năm
7	Tiếp tục rà soát, sắp xếp các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố		Hàng năm
8	Triển khai thực hiện Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh giai đoạn 2017 - 2020, định hướng đến năm 2025	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố		Hàng năm
9	Nâng cấp Trung tâm tích hợp dữ liệu và kho dữ liệu dùng chung tỉnh Sơn La	Sở Thông tin và Truyền thông		Năm 2021	
10	Xây dựng hệ thống thông tin tương tác với người dân trong đô thị thông minh tích hợp với Chính quyền điện tử tỉnh Sơn La	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	Năm 2022	

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Thời gian thực hiện
IX	Củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội				
1	Xây dựng Đề án về quốc phòng, an ninh giai đoạn 2021 - 2025	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	Công an tỉnh; các sở, ngành; UBND các huyện, thành phố	Tháng 12/2020	Giai đoạn 2021 - 2025
2	Chuẩn bị và tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ tỉnh; chỉ đạo hoàn thành 100% huyện, thành phố, xã, phường, thị trấn tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ, diễn tập chiến đấu phòng thủ	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố	Trước năm 2025	
3	Triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống tội phạm giai đoạn 2015 - 2025, định hướng đến năm 2030	Công an tỉnh	Các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố		Hàng năm
4	Triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030	Công an tỉnh	Các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố		Hàng năm
5	Triển khai Chương trình, Đề án phổ biến giáo dục pháp luật của Chính phủ giai đoạn 2021 - 2025 tại địa phương	Sở Tư pháp	Các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố		Hàng năm
X	Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại và chủ động hội nhập quốc tế				
1	Xây dựng Kế hoạch hoạt động đối ngoại	Sở Ngoại vụ	Các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố	Tháng 10 hàng năm	Hàng năm

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Thời gian thực hiện
2	Thực hiện Chương trình tăng cường hợp tác và vận động viện trợ Phi Chính phủ nước ngoài giai đoạn 2020 - 2025 trên địa bàn tỉnh Sơn La	Sở Ngoại vụ	Các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố		Hàng năm
3	Triển khai quy trình, thủ tục mở mới cặp Cửa khẩu phụ giữa tỉnh Sơn La với tỉnh Luông Pha Bang.	Sở Ngoại vụ	Các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố		Giai đoạn 2021 - 2025

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 07/CT-UBND

Sơn La, ngày 25 tháng 01 năm 2021

CHỈ THỊ

Về việc tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác tiếp công dân giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trên địa bàn tỉnh Sơn La

Thời gian qua, công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo đã được Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh, các sở, ban, ngành, đoàn thể và cấp ủy, chính quyền các địa phương quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện. Các cấp, các ngành đã chủ động nắm tình hình khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân, đồng thời tập trung giải quyết cơ bản kịp thời, đúng pháp luật các vụ việc khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh, nhất là những vụ việc đông người, phức tạp; việc thi hành Quyết định giải quyết khiếu nại, Kết luận nội dung tố cáo cơ bản nghiêm túc, quyền và lợi ích chính đáng của công dân được đảm bảo, qua đó góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, còn một số tồn tại, hạn chế như: Việc lãnh đạo, chỉ đạo công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về giải quyết khiếu nại, tố cáo chưa thường xuyên. Người đứng đầu một số cơ quan, đơn vị, địa phương chưa tập trung cao cho công tác tiếp công dân; lúng túng trong việc phân loại, xử lý đơn, xác định chưa chính xác cơ quan có thẩm quyền giải quyết; chưa thực hiện đúng quy trình trong giải quyết khiếu nại, một số vụ việc giải quyết còn chậm; một số vụ việc khiếu nại, tố cáo giải quyết còn quá thời gian quy định, có vụ việc giải quyết chất lượng chưa cao dẫn đến tiếp tục phát sinh các khiếu nại, tố cáo.

Một số cơ quan, đơn vị chưa tích cực kiểm tra, rà soát, giải quyết dứt điểm các vụ việc khiếu nại, tố cáo tồn đọng, phức tạp, kéo dài; việc triển khai sử dụng Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về khiếu nại, tố cáo còn hạn chế.

Tồn tại, hạn chế nêu trên xuất phát từ nhiều nguyên nhân, do một số người dân lợi dụng dân chủ, lợi dụng chính sách cổ tình gây khó khăn cho các cơ quan nhà nước, do diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19. Nhưng nguyên nhân chủ yếu vẫn là do người đứng đầu một số địa phương, đơn vị chưa tập trung cao cho công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, chưa kiên quyết, còn né tránh, đùn đẩy trách nhiệm; tinh thần trách nhiệm, năng lực trình độ của một số cán bộ, công chức trực tiếp tham mưu xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo có mặt còn hạn chế.

Dự báo, trong thời gian tới, nhất là trước, trong và sau thời điểm tổ chức Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII và cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026, tình hình khiếu nại, tố cáo có thể gia tăng, nội dung, tính chất có tình tiết phức tạp.

Để tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo trên địa bàn tỉnh, đảm bảo ổn định chính trị, an ninh trật tự, an toàn xã hội, Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu:

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố:

1.1. Tiếp tục quán triệt và thực hiện nghiêm Quy định số 11-QĐi/TW ngày 18 tháng 12 năm 2019 của Bộ Chính trị về trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy trong việc tiếp dân, đối thoại trực tiếp với dân và xử lý những phản ánh, kiến nghị của dân; Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 18 tháng 5 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về chấn chỉnh và nâng cao hiệu quả công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; Quyết định số 12-QĐi/TU ngày 27 tháng 02 năm 2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy quy định về đối thoại trực tiếp giữa người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp; người đứng đầu các sở, ban, ngành cấp tỉnh với nhân dân; Kế hoạch số 136-KH/TU ngày 02 tháng 5 năm 2015 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc thực hiện Chỉ thị số 35-CT/TW ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; Kế hoạch số 162/KH-UBND ngày 11 tháng 7 năm 2019 của UBND tỉnh về kiểm tra, rà soát, giải quyết vụ việc khiếu nại, tố cáo đông người, phức tạp, kéo dài trên địa bàn tỉnh Sơn La.

1.2. Người đứng đầu các cấp, các ngành phải xác định công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo là nhiệm vụ quan trọng, mọi khiếu nại, tố cáo phải được xem xét, giải quyết với tinh thần trách nhiệm cao, đúng pháp luật từ cấp cơ sở; lấy kết quả tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo là tiêu chí đánh giá năng lực, mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu cơ quan, địa phương, đơn vị.

1.3. Thực hiện nghiêm việc tiếp công dân thường xuyên, định kỳ và đột xuất của người đứng đầu, gắn việc tiếp công dân với giải quyết khiếu nại, tố cáo. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong tiếp nhận, xử lý đơn; cập nhật đầy đủ, chính xác các vụ việc vào Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về khiếu nại, tố cáo của Thanh tra Chính phủ.

1.4. Làm tốt công tác theo dõi, dự báo tình hình khiếu nại, tố cáo và tập trung giải quyết kịp thời, dứt điểm từ cơ sở các vụ việc khiếu nại, tố cáo phát sinh, nhất là các điểm nóng về khiếu nại, tố cáo; chú trọng, tập trung cao giải quyết các vụ việc liên quan đến nhân sự cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Việc giải quyết phải trên cơ sở chính sách, pháp luật, phù hợp với thực tiễn, bảo đảm quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp của người dân. Quá trình giải quyết các vụ việc khiếu nại, tố cáo về bầu cử đại biểu Quốc hội, HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 phải bám sát Hướng dẫn số 13-HD/UBKTTW ngày 02 tháng 1 năm 2020 của Ủy Ban Kiểm tra Trung ương và các quy định của pháp luật.

1.5. Khi xảy ra các vụ việc đông người, phức tạp, dư luận xã hội quan tâm thì Chủ tịch UBND các huyện, thành phố chủ động phối hợp với Thanh tra tỉnh,

các cơ quan có liên quan để kịp thời xử lý, hạn chế tối đa khiếu kiện vượt cấp. Chủ tịch UBND các huyện, thành phố phải chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh nếu để công dân địa phương mình khiếu kiện vượt cấp lên Trung ương.

Địa phương nào có công dân khiếu kiện đông người, vượt cấp lên Trung ương thì UBND địa phương đó phối hợp với các cơ quan chức năng liên quan trực tiếp vận động, thuyết phục công dân, có biện pháp đưa công dân trở về địa phương giải quyết. Đối với các trường hợp kích động, lôi kéo công dân khiếu kiện đông người hoặc lợi dụng khiếu kiện để gây rối thì chỉ đạo lực lượng chức năng có biện pháp xử lý nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

1.6. Tổ chức thi hành triệt để các quyết định giải quyết khiếu nại, kết luận xử lý tố cáo đã có hiệu lực pháp luật; xử lý nghiêm trách nhiệm đối với đơn vị, cá nhân không chấp hành quyết định giải quyết khiếu nại, kết luận xử lý tố cáo đã có hiệu lực pháp luật.

1.7. Tăng cường đôn đốc, kiểm tra việc thi hành công vụ của đội ngũ công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý, nâng cao chất lượng giải quyết công việc, chất lượng phục vụ nhân dân. Xử lý nghiêm các hành vi nhũng nhiễu, gây khó khăn, phiền hà đối với người dân và doanh nghiệp nhằm hạn chế phát sinh khiếu kiện.

1.8. Bố trí cán bộ tiếp công dân có phẩm chất chính trị, kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ tốt; có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, am hiểu thực tế, có khả năng vận động, thuyết phục quần chúng; tăng cường tập huấn nghiệp vụ, quy trình tiếp công dân; giải quyết khiếu nại, tố cáo cho cán bộ, công chức trực tiếp tham mưu về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

2. Giao Ban Tiếp công dân tỉnh:

2.1. Đôn đốc các địa phương đơn vị chấp hành nghiêm chế độ báo cáo về kết quả giải quyết các vụ việc khiếu nại, tố cáo do UBND tỉnh giao cho các cấp, các ngành giải quyết.

2.2. Chủ trì, phối hợp với Thanh tra tỉnh tổng hợp, đề xuất với UBND tỉnh xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật các trường hợp không kịp thời thực hiện chỉ đạo của các cấp có thẩm quyền trong việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân.

2.3. Tiếp tục chủ trì, phối hợp với Thanh tra tỉnh hướng dẫn các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố tiếp tục triển khai sử dụng có hiệu quả Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về khiếu nại, tố cáo.

3. Hội đồng phối hợp Phổ biến giáo dục pháp luật tỉnh, Sở Tư pháp, Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Báo Sơn La, Cổng Thông tin Điện tử tỉnh tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; về kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo của cơ quan Nhà nước, góp phần nâng cao ý thức pháp luật cho Nhân dân, kịp

thời phê phán, đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo.

4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội tăng cường giám sát công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; phối hợp với các cấp chính quyền trong công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và người dân thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo theo đúng quy định của pháp luật, chấp hành nghiêm chỉnh chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

5. Giao Thanh tra tỉnh

5.1. Thường xuyên, chủ động nắm tình hình khiếu nại, tố cáo trên địa bàn toàn tỉnh để tham mưu đề xuất với UBND tỉnh hướng xem xét, giải quyết đối với những vụ việc phát sinh theo đúng quy định.

5.2. Tăng cường công tác thanh tra trách nhiệm Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố trong việc thực hiện các quy định của Luật Tiếp công dân, Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo. Kiến nghị xử lý đối với các trường hợp vi phạm trong tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

5.3. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ, quy trình tiếp công dân; giải quyết khiếu nại, tố cáo cho các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã. Chỉ đạo, làm tốt công tác thanh tra, kiểm tra hành chính và chuyên ngành, xử lý kịp thời các vi phạm, thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước trên các lĩnh vực.

5.4. Chủ trì phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh theo dõi, đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện Chỉ thị này.

Yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị; Giám đốc các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố tổ chức quán triệt và thực hiện nghiêm túc./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Thanh tra tỉnh; các sở, ngành thuộc tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Hội đồng PHPBGDPL tỉnh;
- Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Báo Sơn La;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Phòng NC – VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, BTCD, 25 bản.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Lê Hồng Minh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 146/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 26 tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Công bố danh mục các văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND
tỉnh Sơn La ban hành hết hiệu lực đến hết ngày 31/12/2020**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;*

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính
phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của
Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14
tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi
hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 12/TTr-STP ngày 20
tháng 01 năm 2021.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố danh mục các văn bản quy phạm pháp luật do HĐND và
UBND tỉnh Sơn La ban hành hết hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020,
gồm **60** văn bản (có 02 danh mục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ
tịch HĐND, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành
Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Tư pháp (Cục KTVB);
- TT: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh, các tổ chức đoàn thể;
- Các sở, ban, ngành;
- VPUBND tỉnh (LĐ, CVCK)
- HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Trung tâm Thông tin tỉnh Sơn La;
- Lưu: VT, NC, Hạng 20b.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Lê Hồng Minh

Danh mục số 01
VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN, ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA HẾT HIỆU LỰC TOÀN BỘ ĐẾN HẾT NGÀY 31/12/2020
(Ban hành kèm theo Quyết định số 146/QĐ-UBND ngày 26/01/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi văn bản	Lý do hết hiệu lực
I	VĂN BẢN DO HĐND TỈNH BAN HÀNH			
01	Nghị quyết	92/2014/NQ-HĐND ngày 17/9/2014	Nghị quyết về chính sách hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Sơn La giai đoạn năm 2015 - 2020	Hết hiệu lực quy định tại văn bản
02	Nghị quyết	107/2019/NQ-HĐND ngày 16/7/2019	Nghị quyết sửa đổi, bãi bỏ một số nội dung của Nghị quyết số 92/2014/NQ-HĐND ngày 17/9/2014 của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Sơn La giai đoạn 2015 – 2020	Hết hiệu lực quy định tại văn bản
03	Nghị quyết	08/2016/NQ-HĐND ngày 03/8/2016	Về việc trang bị sách giáo khoa cho các trường tiểu học, THCS công lập để phục vụ HS diện chính sách trên địa bàn tỉnh Sơn La.	Bãi bỏ bằng Nghị quyết số 132/2020/NQ-HĐND ngày 01/7/2020 Bãi bỏ Nghị quyết số 08/2016/NQ-HĐND ngày 03/8/2016 của HĐND tỉnh về việc trang bị sách giáo khoa cho các trường tiểu học, trung học cơ sở công lập để phục vụ học sinh diện chính sách trên địa bàn tỉnh
04	Nghị quyết	104/2019/NQ-HĐND ngày 16/7/2019	Quy định mức học phí đối với giáo dục mầm non và phổ thông công lập năm học 2019 - 2020 trên địa bàn tỉnh	Hết hiệu lực quy định tại văn bản

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi văn bản	Lý do hết hiệu lực
05	Nghị quyết	41/2017/NQ-HĐND ngày 15/3/2017	Quy định chính sách hỗ trợ tổ chức nấu ăn cho trường phổ thông công lập có học sinh bán trú trên địa bàn tỉnh	Thay thế bằng Nghị quyết số 140/2020/NQ-HĐND ngày 03/9/2020 của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ tổ chức nấu ăn cho trường mầm non và trường phổ thông công lập có học sinh bán trú trên địa bàn tỉnh.
06	Nghị quyết	78/2018/NQ-HĐND ngày 19/7/2018	Quy định chính sách hỗ trợ tổ chức nấu ăn cho trường mầm non công lập thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh	Thay thế bằng Nghị quyết số 140/2020/NQ-HĐND ngày 03/9/2020 của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ tổ chức nấu ăn cho trường mầm non và trường phổ thông công lập có học sinh bán trú trên địa bàn tỉnh.
07	Nghị quyết	133/2016/NQ-HĐND ngày 22/3/2016	Về chính sách hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Sơn La	Bãi bỏ bằng Nghị quyết số 138/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh về việc bãi bỏ Nghị quyết số 133/2016/NQ-HĐND ngày 22/3/2016 của HĐND tỉnh
08	Nghị quyết	124/2015/NQ-HĐND ngày 10/12/2015	Về chương trình việc làm tỉnh Sơn La giai đoạn 2016 - 2020	Hết hiệu lực quy định tại văn bản
09	Nghị quyết	27/2017/NQ-HĐND ngày 15/3/2017	Chính sách hỗ trợ tiếp nhận, quản lý khai thác và cải tạo, sửa chữa, nâng cấp công trình cấp nước sinh hoạt tập trung nông thôn trên địa bàn tỉnh	Bãi bỏ bằng Nghị quyết số 129/2020/QĐ-UBND ngày 28/02/2020 bãi bỏ Nghị quyết số 27/2017/NQ-HĐND ngày 15/3/2017 của HĐND tỉnh
10	Nghị quyết	76/2018/NQ-HĐND ngày 04/4/2018	Chính sách hỗ trợ, phát triển sản xuất, chế biến, tiêu thụ nông sản, thực phẩm an toàn trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2018 - 2021	Thay thế bằng Nghị quyết số 128/2020/NQ-HĐND ngày 28/02/2020 ban hành chính sách khuyến khích đầu tư vào Nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Sơn La.

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi văn bản	Lý do hết hiệu lực
11	Nghị quyết	16/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016	Quyết định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh	Thay thế bằng Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh
12	Nghị quyết	35/2017/NQ-HĐND ngày 15/3/2017	Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Điều 1, Nghị quyết số 16/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh	Thay thế bằng Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh
13	Nghị quyết	67/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017	Bổ sung, bãi bỏ một số nội dung Điều 1, Nghị quyết số 16/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh	Thay thế bằng Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh
14	Nghị quyết	86/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018	Sửa đổi Điều 18.2, Khoản 18, Mục I, Điều 1, Nghị quyết số 16/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh	Thay thế bằng Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh
15	Nghị quyết	11/2016/NQ-HĐND ngày 12/12/2016	Quy định mức hỗ trợ đối với lực lượng dân quân của tỉnh Sơn La.	Thay thế bằng Nghị quyết số 141/2020/NQ-HĐND ngày 30/10/2020 quy định về mức phụ cấp, trợ cấp đối với lực lượng Dân quân trên địa bàn tỉnh Sơn La
16	Nghị quyết	111/2015/NQ-HĐND ngày 10/9/2015	Về quy định tiêu chí dự án trọng điểm nhóm C của tỉnh Sơn La	Bãi bỏ bằng Nghị quyết số 130/2020/NQ-HĐND ngày 30/6/2020 về giao UBND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư nhóm C trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi văn bản	Lý do hết hiệu lực
II	VĂN BẢN DO UBND TỈNH BAN HÀNH			
17	Quyết định	182/2004/QĐ-UBND ngày 20/12/2004	Ban hành chính sách phát triển đường giao thông nông thôn từ xã đến bản - tỉnh Sơn La	Bãi bỏ bằng Quyết định số 06/2020/QĐ-UBND ngày 28/02/2020 của UBND tỉnh về việc bãi bỏ Quyết định số 182/2004/QĐ-UBND ngày 20/12/2004 và Quyết định số 39/2009/QĐ-UBND ngày 22/9/2009 của UBND tỉnh Sơn La
18	Quyết định	39/2009/QĐ-UBND ngày 22/9/2009	Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của chính sách phát triển đường giao thông nông thôn từ xã đến bản - tỉnh Sơn La ban hành kèm theo Quyết định số 182/2004/QĐ-UBND ngày 20/12/2004 của UBND tỉnh Sơn La	Bãi bỏ bằng Quyết định số 06/2020/QĐ-UBND ngày 28/02/2020 của UBND tỉnh về việc bãi bỏ Quyết định số 182/2004/QĐ-UBND ngày 20/12/2004 và Quyết định số 39/2009/QĐ-UBND ngày 22/9/2009 của UBND tỉnh Sơn La
19	Quyết định	04/2016/QĐ-UBND ngày 18/02/2016	Về việc ban hành quy định quản lý, sử dụng và khai thác tài sản hạ tầng đường bộ địa phương tỉnh Sơn La	Bãi bỏ bằng Quyết định số 15/2020/QĐ-UBND ngày 29/4/2020 của UBND về việc bãi bỏ Quyết định số 04/2016/QĐ-UBND ngày 18/02/2016 của UBND tỉnh Sơn La
20	Quyết định	29/2005/QĐ-UBND ngày 28/3/2005	Ban hành đơn giá tổng hợp đầu tư xây dựng các loại đường giao thông áp dụng cho các khu (điểm) tái định cư dự án thủy điện Sơn La	Bãi bỏ bằng Quyết định số 14/2020/QĐ-UBND ngày 29/4/2020 của UBND bãi bỏ Quyết định số 29/2005/QĐ-UBND ngày 28/3/2005 của UBND tỉnh Sơn La
21	Quyết định	34/2015/QĐ-UBND ngày 02/12/2015	Ban hành quy định khung giá bảo dưỡng thường xuyên tài sản hạ tầng đường bộ trên địa bàn tỉnh Sơn La	Bãi bỏ bằng Quyết định số 41/2020/QĐ-UBND ngày 01/10/2020 của UBND tỉnh về việc bãi bỏ Quyết định số 34/2015/QĐ-UBND ngày 02/12/2015 của UBND tỉnh

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi văn bản	Lý do hết hiệu lực
22	Quyết định	30/2014/QĐ-UBND ngày 13/11/2014	Ban hành quy định quy trình công nhận sáng kiến trên địa bàn tỉnh Sơn La	Thay thế bằng Quyết định số 21/2020/QĐ-UBND ngày 07/5/2020 ban hành quy định về Quản lý hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Sơn La
23	Quyết định	22/2017/QĐ-UBND ngày 26/7/2017	Sửa đổi, bổ sung, thay thế một số điều của quy trình công nhận sáng kiến ban hành kèm theo Quyết định số 30/2014/QĐ-UBND ngày 13/11/2014 của UBND tỉnh Sơn La	Thay thế bằng Quyết định số 21/2020/QĐ-UBND ngày 07/5/2020 ban hành quy định về Quản lý hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Sơn La
24	Quyết định	07/2015/QĐ-UBND ngày 18/3/2015	Ban hành quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước	Thay thế bằng Quyết định số 34/2020/QĐ-UBND ngày 20/7/2020 ban hành quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước
25	Quyết định	08/2015/QĐ-UBND ngày 18/3/2015	Ban hành quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước	Thay thế bằng Quyết định số 35/2020/QĐ-UBND ngày 20/7/2020 ban hành quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước
26	Quyết định	15/2013/QĐ-UBND ngày 30/8/2013	Ban hành quy định tiêu chí phân loại bản, xóm, tiểu khu, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Sơn La	Thay thế bằng Quyết định số 39/2020/QĐ-UBND ngày 01/9/2020 về việc ban hành quy chế tổ chức, hoạt động và phân loại của bản, thôn, xóm, tiểu khu, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Sơn La
27	Quyết định	03/2020/QĐ-UBND ngày 07/02/2020	Ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của bản, thôn, xóm, tiểu khu, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Sơn La	Thay thế bằng Quyết định số 39/2020/QĐ-UBND ngày 01/9/2020 về việc ban hành quy chế tổ chức, hoạt động và phân loại của bản, thôn, xóm, tiểu khu, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Sơn La

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi văn bản	Lý do hết hiệu lực
28	Quyết định	115/2004/QĐ-UBND ngày 23/9/2004	Về việc bố trí công chức xã tăng thêm dân số đối với các xã, thị trấn thuộc huyện Mai Sơn	Bãi bỏ bằng Quyết định số 20/2020/QĐ-UBND ngày 05/5/2020 của UBND tỉnh về việc bãi bỏ một số Quyết định quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước ngành Nội vụ
29	Quyết định	116/2004/QĐ-UBND ngày 23/9/2004	Về việc bố trí công chức xã tăng thêm dân số đối với các xã, thị trấn thuộc huyện Mường La	Bãi bỏ bằng Quyết định số 20/2020/QĐ-UBND ngày 05/5/2020 của UBND tỉnh về việc bãi bỏ một số Quyết định quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước ngành Nội vụ
30	Quyết định	117/2004/QĐ-UBND ngày 23/9/2004	Về việc bố trí công chức xã tăng thêm dân số đối với các xã, thị trấn thuộc huyện Mộc Châu	Bãi bỏ bằng Quyết định số 20/2020/QĐ-UBND ngày 05/5/2020 của UBND tỉnh về việc bãi bỏ một số Quyết định quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước ngành Nội vụ
31	Quyết định	65/2006/QĐ-UBND ngày 24/8/2006	Về việc bố trí cán bộ phòng chống ma túy tại xã, phường, thị trấn thuộc các huyện, địa bàn tỉnh Sơn La	Bãi bỏ bằng Quyết định số 20/2020/QĐ-UBND ngày 05/5/2020 của UBND tỉnh về việc bãi bỏ một số Quyết định quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước ngành Nội vụ
32	Quyết định	69/2006/QĐ-UBND ngày 22/9/2006	Ban hành quy định tiêu chuẩn, chức năng nhiệm vụ, quyền lợi và việc quản lý cán bộ phòng chống ma túy tại xã, phường, thị trấn thuộc các huyện địa bàn tỉnh Sơn La	Bãi bỏ bằng Quyết định số 20/2020/QĐ-UBND ngày 05/5/2020 của UBND tỉnh về việc bãi bỏ một số Quyết định quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước ngành Nội vụ
33	Quyết định	16/2016/QĐ-UBND ngày 02/8/2016	Quy chế tổ chức tuyên dụng công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Sơn La	Thay thế bằng Quyết định số 28/2020/QĐ-UBND ngày 02/7/2020 của UBND tỉnh ban hành quy chế tổ chức tuyên dụng công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Sơn La

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi văn bản	Lý do hết hiệu lực
34	Quyết định	09/2017/QĐ-UBND ngày 30/3/2017	Sửa đổi, bổ sung Điều 36 của quy chế tổ chức tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Sơn La ban hành kèm theo Quyết định số 16/2016/QĐ-UBND ngày 02/8/2016 của UBND tỉnh.	Thay thế bằng Quyết định số 28/2020/QĐ-UBND ngày 02/7/2020 của UBND tỉnh ban hành quy chế tổ chức tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Sơn La
35	Quyết định	13/2012/QĐ-UBND ngày 17/8/2012	Ban hành Điều lệ tổ chức, hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Sơn La	Bãi bỏ bằng Quyết định số 29/2020/QĐ-UBND ngày 02/7/2020 của UBND tỉnh về việc bãi bỏ Quyết định số 13/2012/QĐ-UBND ngày 17/8/2012 của UBND tỉnh về việc ban hành Điều lệ tổ chức, hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Sơn La
36	Quyết định	29/2019/QĐ-UBND ngày 05/8/2019	Quy định về đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố, các đơn vị sự nghiệp thuộc UBND tỉnh và các Hội có tính chất đặc thù trên địa bàn tỉnh Sơn La	Thay thế bằng Quyết định số 37/2020/QĐ-UBND ngày 18/8/2020 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định về đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm của các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố; các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh và các Hội có tính chất đặc thù trên địa bàn tỉnh Sơn La
37	Quyết định	88/2003/QĐ-UBND ngày 18/6/2003	Thành lập Ban Quản lý dự án di dân tái định cư Thủy điện Sơn La cấp huyện, thị và xã	Bãi bỏ bằng Quyết định số 38/2020/QĐ-UBND ngày 27/8/2020 về việc bãi bỏ các văn bản Quy phạm pháp luật của UBND tỉnh Sơn La
38	Quyết định	76/2004/QĐ-UBND ngày 12/07/2004	Về việc ban hành Quy chế làm việc Hội đồng Giám sát Xô số kiến thiết tỉnh Sơn La.	Bãi bỏ bằng Quyết định số 38/2020/QĐ-UBND ngày 27/8/2020 về việc bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật của UBND tỉnh Sơn La

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi văn bản	Lý do hết hiệu lực
39	Quyết định	12/2006/QĐ-UBND ngày 15/3/2006	Về việc về việc thành lập Quỹ phòng chống ma túy	Bãi bỏ bằng Quyết định số 38/2020/QĐ-UBND ngày 27/8/2020 về việc bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật của UBND tỉnh Sơn La
40	Quyết định	14/2013/QĐ-UBND ngày 28/8/2013	Ban hành quy định về dạy thêm, học thêm trên địa bàn tỉnh Sơn La	Thay thế bằng Quyết định số 24/2020/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của UBND tỉnh quy định về dạy thêm, học thêm trên địa bàn tỉnh Sơn La
41	Quyết định	63/2003/QĐ-UBND ngày 09/4/2003	Ban hành quy định về chữa trị, giáo dục cho người nghiện ma túy ở cơ sở Giáo dục - Lao động trên địa bàn tỉnh Sơn La	Bãi bỏ bằng Quyết định số 08/2020/QĐ-UBND ngày 31/3/2020 của UBND tỉnh bãi bỏ Quyết định số 63/2003/QĐ-UBND ngày 09/4/2003 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định về chữa trị, giáo dục cho người nghiện ma túy ở cơ sở Giáo dục - Lao động trên địa bàn tỉnh Sơn La
42	Quyết định	99/2003/QĐ-UBND ngày 04/7/2003	Ban hành quy chế tiếp nhận, quản lý, điều trị và nuôi dưỡng bệnh nhân tâm thần được người đại diện hợp pháp tự nguyện đưa vào điều dưỡng tập trung tại Khu điều dưỡng bệnh nhân tâm thần	Bãi bỏ bằng Quyết định số 13/2020/QĐ-UBND ngày 29/4/2020 của UBND tỉnh bãi bỏ Quyết định số 99/2003/QĐ-UBND ngày 04/7/2003 của UBND tỉnh về việc ban hành quy chế tiếp nhận, quản lý, điều trị và nuôi dưỡng bệnh nhân tâm thần được người đại diện hợp pháp tự nguyện đưa vào điều dưỡng tập trung tại Khu điều dưỡng bệnh nhân tâm thần
43	Quyết định	21/2012/QĐ-UBND ngày 26/11/2012	Ban hành Quy chế “Quản lý nuôi trồng, khai thác đánh bắt và bảo vệ nguồn lợi thủy sản” trên địa bàn tỉnh Sơn La	Bãi bỏ bằng Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND ngày 03/6/2020 của UBND tỉnh bãi bỏ Quyết định số 21/2012/QĐ-UBND ngày 26/11/2012 của UBND tỉnh về việc ban hành quy chế “Quản lý nuôi

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi văn bản	Lý do hết hiệu lực
				trồng, khai thác đánh bắt và bảo vệ nguồn lợi thủy sản” trên địa bàn tỉnh Sơn La
44	Quyết định	41/2017/QĐ-UBND ngày 06/12/2017	Quy định chế độ quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán Quỹ bảo trì đường bộ tỉnh Sơn La	Bãi bỏ bằng Quyết định số 12/2020/QĐ-UBND ngày 22/4/2020 về việc bãi bỏ Quyết định số 41/2017/QĐ-UBND ngày 06/12/2017 của UBND tỉnh về quy định chế độ quản lý, sử dụng, thanh toán quyết toán Quỹ bảo trì đường bộ tỉnh Sơn La
45	Quyết định	05/2007/QĐ-UBND ngày 13/01/2007	Về việc điều chỉnh dự toán xây dựng công trình	Bãi bỏ bằng Quyết định số 17/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh về việc bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực ngành xây dựng
46	Quyết định	24/2013/QĐ-UBND ngày 28/10/2013	Ban hành quy định phân cấp cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Sơn La	Bãi bỏ bằng Quyết định số 17/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh về việc bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực ngành xây dựng
47	Quyết định	07/2018/QĐ-UBND ngày 30/3/2018	Ban hành Quy định quản lý dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn tỉnh Sơn La	Bãi bỏ bằng Quyết định số 05/2020/QĐ-UBND ngày 27/02/2020 của UBND tỉnh về việc bãi bỏ Quyết định số 07/2018/QĐ-UBND ngày 30/3/2018 của UBND tỉnh quy định quản lý dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn tỉnh Sơn La
48	Quyết định	37/2017/QĐ-UBND ngày 27/11/2017	Ban hành Quy chế quản lý, sử dụng chứng thư số và chữ ký số trong các cơ quan nhà nước tỉnh Sơn La	Bãi bỏ bằng Quyết định số 01/2020/QĐ-UBND ngày 14/01/2020 về việc bãi bỏ Quyết định số 37/2017/QĐ-UBND ngày 27/11/2017 của UBND

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi văn bản	Lý do hết hiệu lực
				tỉnh về ban hành quy chế quản lý, sử dụng chứng thư số và chữ ký số trong các cơ quan nhà nước tỉnh Sơn La
49	Quyết định	02/2008/QĐ-UBND ngày 14/01/2008	Ban hành Quy chế phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí trên địa bàn tỉnh Sơn La	Bãi bỏ bằng Quyết định số 32/2020/QĐ-UBND ngày 08/7/2020 của UBND tỉnh về việc bãi bỏ Quyết định số 02/2008/QĐ-UBND ngày 14/01/2008 của UBND tỉnh về ban hành quy chế phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí trên địa bàn tỉnh Sơn La
50	Quyết định	120/2004/QĐ-UBND ngày 29/9/2004	Về việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban Quản lý Chương trình phát triển chợ tỉnh Sơn La	Bãi bỏ bằng Quyết định số 23/2020/QĐ-UBND ngày 05/6/2020 bãi bỏ Quyết định số 120/2004/QĐ-UBND ngày 29/9/2004 của UBND tỉnh Sơn La về việc ban hành quy chế hoạt động của Ban Quản lý Chương trình phát triển chợ tỉnh Sơn La
51	Quyết định	27/2017/QĐ-UBND ngày 23/8/2017	Về việc ban hành bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Sơn La	Bãi bỏ bằng Quyết định số 25/2020/QĐ-UBND ngày 25/6/2020 về việc ban hành bảng giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý hóa giống nhau trên địa bàn tỉnh Sơn La
52	Quyết định	47/2005/QĐ-UBND ngày 22/4/2005	Về việc ban hành quy định về trình tự, nội dung lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch chi tiết các khu, điểm tái định cư dự án thủy điện Sơn La	Bãi bỏ bằng Quyết định số 31/2020/QĐ-UBND ngày 03/7/2020 về việc bãi bỏ Quyết định số 47/2005/QĐ-UBND ngày 22/4/2005 của UBND tỉnh Sơn La

Danh mục số 02
VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN, ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA HẾT HIỆU LỰC MỘT PHẦN ĐẾN HẾT NGÀY 31/12/2020
(Ban hành kèm theo Quyết định số 146/QĐ-UBND ngày 26/01/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Nội dung quy định hết hiệu lực	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
I	VĂN BẢN DO HĐND TỈNH BAN HÀNH				
01	Nghị quyết	Nghị quyết số 25/2012/NQ-HĐND ngày 19/9/2012 của HĐND tỉnh quy định chế độ đặc thù đối với Vận động viên, Huấn luyện viên thể thao và chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao tỉnh Sơn La	Khoản 3 Điều 1	Được thay thế bằng Nghị quyết số 136/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 về mức hỗ trợ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao tỉnh Sơn La	01/01/2021
02	Nghị quyết	Nghị quyết số 123/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 quy định cụ thể về khoảng cách và địa bàn làm căn cứ xác định học sinh không thể trường và trở về nhà trong ngày được hưởng chính sách theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ	- Danh mục 13 xã, 33 bản tại Phụ lục số 01, Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Nghị quyết số 123/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh; - Danh mục 08 xã, 08 bản tại Phụ lục số 01, Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Nghị quyết số 123/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh.	Được sửa đổi bằng Nghị quyết số 137/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung Nghị quyết số 123/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh quy định cụ thể về khoảng cách và địa bàn làm căn cứ xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày được hưởng chính sách theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ	01/9/2020

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Nội dung quy định hết hiệu lực	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
II VĂN BẢN DO UBND TỈNH BAN HÀNH					
03	Quyết định	Quyết định số 50/2018/QĐ-UBND ngày 04/12/2018 của UBND tỉnh Sơn La quy định phạm vi, tuyến đường, thời gian hoạt động đối với xe chở người bốn bánh có gắn động cơ trên địa bàn tỉnh Sơn La	Khoản 1 Điều 3	Được sửa đổi, bổ sung bằng Quyết định số 02/2020/QĐ-UBND ngày 20/01/2020 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Điều 3 Quy định phạm vi, tuyến đường, thời gian hoạt động đối với xe chở người bốn bánh có gắn động cơ trên địa bàn tỉnh Sơn La, ban hành kèm theo Quyết định số 50/2018/QĐ-UBND ngày 04/12/2018 của UBND tỉnh Sơn La	01/02/2020
04	Quyết định	Quyết định số 33/2018/QĐ-UBND, ngày 16/10/2018 về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nội vụ tỉnh Sơn La	Khoản 2, Khoản 3 Điều 3	Sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 30/2020/QĐ-UBND sửa đổi, bổ sung Điều 3 Quyết định số 33/2018/QĐ-UBND ngày 16/11/2018 của UBND tỉnh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nội vụ tỉnh Sơn La	15/7/2020
05	Quyết định	Quyết định số 04/2020/QĐ-UBND ngày 10/02/2020 về việc quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2020 trên địa bàn tỉnh Sơn La	Điều 1	Sửa đổi bằng Quyết định số 42/2020/QĐ-UBND ngày 13/10/2020 về việc sửa đổi Quyết định số 04/2020/QĐ-UBND ngày 10/02/2020 của UBND tỉnh quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2020 trên địa bàn tỉnh Sơn La	01/11/2020

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Nội dung quy định hết hiệu lực	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
06	Quyết định	Quyết định số 20/2019/QĐ-UBND ngày 01/7/2019 về việc phân cấp thẩm định Dự án (Báo cáo kinh tế kỹ thuật), thiết kế cơ sở, thiết kế, dự toán xây dựng trên địa bàn tỉnh Sơn La	Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 20/2019/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2019 của UBND tỉnh Sơn La	Thay thế bằng Quyết định số 07/2020/QĐ-UBND ngày 31/3/2020 của UBND về việc thay thế phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 20/2019/QĐ-UBND ngày 01/7/2019 của UBND tỉnh Sơn La về việc phân cấp thẩm định Dự án (Báo cáo kinh tế kỹ thuật), thiết kế cơ sở, thiết kế, dự toán xây dựng trên địa bàn tỉnh Sơn La	15/4/2020
07	Quyết định	Quyết định số 22/2015/QĐ-UBND ngày 27/7/2015 của UBND tỉnh Sơn La ban hành Quy chế theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao	Chương IV	Bãi bỏ bằng Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 30/4/2020 ban hành quy định chế độ báo cáo định kỳ phục vụ mục tiêu quản lý trên địa bàn tỉnh Sơn La	01/7/2020
08	Quyết định	Quyết định số 43/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 quy định tại Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2020 - 2024	- Tên đoạn đường một số vị trí tuyến đường thuộc Bảng số 5.1 thành phố Sơn La tại Biểu số 04 kèm theo; - Tên đoạn đường một số vị trí tuyến đường thuộc Bảng số 5.7 huyện Mai Sơn tại Biểu số 05 kèm theo.	Điều chỉnh bằng Quyết định số 33/2020/QĐ-UBND ngày 14/7/2020 về việc điều chỉnh, bổ sung một số nội dung quy định tại Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2020 - 2024 ban hành kèm theo Quyết định số 43/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh Sơn La	01/8/2020

Số:149/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 26 tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Đính chính Quyết định số 01/2021/QĐ-UBND ngày 21/01/2021
của UBND tỉnh Quy định đơn giá bồi thường, hỗ trợ về cây cối,
hoa màu khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Sơn La**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật
Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính
phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính
phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5
năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật
Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đính chính năm có hiệu lực thi hành của Quyết định số 01/2021/QĐ-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2021 của UBND tỉnh Quy định đơn giá bồi thường, hỗ trợ về cây cối, hoa màu khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Sơn La như sau:

Tại Khoản 1 Điều 3 Quyết định số 01/2021/QĐ-UBND ghi là: “Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 02 năm 2020”.

Nay đính chính lại là: “Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 02 năm 2021”.

Điều 2. Các nội dung khác thực hiện theo Quyết định số 01/2021/QĐ-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2021 của UBND tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức và các hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (b/c);
- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL- Bộ Tư pháp;
- Như Điều 3;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, Phú 50b.

(Đã ký)

Lê Hồng Minh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 08/CT-UBND

Sơn La, ngày 03 tháng 02 năm 2021

CHỈ THỊ
**Về tổ chức Tổng điều tra kinh tế và Điều tra
cơ sở hành chính năm 2021 trên địa bàn tỉnh Sơn La**

Thực hiện Quyết định số 307/QĐ-TTg ngày 27 tháng 02 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc tổ chức Tổng điều tra kinh tế năm 2021; Quyết định số 1096/QĐ-BNV ngày 23 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về tổ chức Điều tra cơ sở hành chính năm 2021; Quyết định số 1344/QĐ-BKHĐT ngày 03 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành phương án Tổng điều tra Kinh tế năm 2021. Để thực hiện thành công cuộc Tổng điều tra Kinh tế và Điều tra cơ sở hành chính năm 2021 trên địa bàn tỉnh Sơn La, theo đề nghị của Cục Thống kê tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

1. Cục Thống kê tỉnh

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố triển khai tổ chức Tổng điều tra Kinh tế: Xây dựng kế hoạch Tổng điều tra Kinh tế năm 2021 trên địa bàn tỉnh, bảo đảm công tác Tổng điều tra được triển khai đúng tiến độ, thời gian và chất lượng theo kế hoạch của BCĐ Tổng điều tra Trung ương; Là đầu mối tiếp nhận kinh phí, vật tư kỹ thuật do BCĐ Tổng điều tra Trung ương cung cấp; tổ chức cấp phát các trang thiết bị kỹ thuật cho các BCĐ cấp huyện, xã phục vụ cuộc Tổng điều tra.

2. Sở Nội vụ

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố triển khai tổ chức Điều tra cơ sở hành chính; xây dựng kế hoạch Điều tra cơ sở hành chính năm 2021 trên địa bàn tỉnh, bảo đảm công tác điều tra được triển khai đúng tiến độ, thời gian và chất lượng theo kế hoạch của BCĐ Tổng điều tra Trung ương;

3. Thủ trưởng các cơ quan hành chính, sự nghiệp, các ngành, các tổ chức Đảng, đoàn thể, hiệp hội đóng trên địa bàn tỉnh Sơn La tổ chức thực hiện điều tra tại đơn vị mình quản lý theo hướng dẫn của Ban chỉ đạo Tổng điều tra các cấp và trực tiếp thu thập, cung cấp đầy đủ, chính xác các thông tin của đơn vị mình vào phiếu điều tra điện tử đúng thời gian theo hướng dẫn của BCĐ tỉnh.

4. Giám đốc các Công ty, doanh nghiệp nhà nước, các Công ty trách nhiệm hữu hạn và cổ phần có vốn nhà nước, các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Công ty cổ phần, Công ty trách nhiệm hữu hạn, hợp tác xã, doanh nghiệp tư nhân

và cơ sở kinh tế thuộc thành phần kinh tế ngoài nhà nước; các đơn vị hành chính sự nghiệp có trách nhiệm cử người tham dự tập huấn, ghi phiếu và kê khai phiếu điều tra đầy đủ, chính xác, đúng thời gian quy định theo hướng dẫn của Ban Chỉ đạo Tổng điều tra Kinh tế và Điều tra cơ sở hành chính năm 2021 tỉnh.

5. Báo Sơn La, Đài Phát thanh và Truyền hình, các cơ quan văn hóa thông tin huy động các điều kiện và phương tiện thông tin hiện có, phối hợp với Ban chỉ đạo Tổng điều tra Kinh tế và Điều tra cơ sở hành chính các cấp tổ chức tuyên truyền bằng nhiều hình thức như trên phương tiện thông tin đại chúng (báo chí, truyền hình, truyền thanh), trên mạng Internet, sử dụng logo, áp phích cổ động v.v... tạo điều kiện cho các cơ sở kinh tế, hành chính, sự nghiệp, tôn giáo hiểu rõ mục đích, ý nghĩa, xác định được trách nhiệm, để phối hợp với lực lượng điều tra viên kê khai đúng, đầy đủ các nội dung điều tra theo yêu.

6. Chủ tịch UBND các huyện, thành phố tăng cường chỉ đạo công tác Tổng điều tra Kinh tế và Điều tra cơ sở hành chính năm 2021 trong phạm vi địa phương quản lý theo đúng phương án Tổng điều tra Kinh tế và Điều tra cơ sở hành chính, kế hoạch triển khai thực hiện của Ban Chỉ đạo cấp tỉnh.

7. Ban Chỉ đạo Tổng điều tra kinh tế và Điều tra cơ sở hành chính cấp huyện/thành phố chịu trách nhiệm hướng dẫn Ban Chỉ đạo Tổng điều tra kinh tế và Điều tra cơ sở hành chính cấp xã/phường/thị trấn (sau đây gọi tắt là cấp xã) hoặc Chủ tịch UBND xã (nơi không đủ điều kiện thành lập Ban Chỉ đạo TĐT) tuyển chọn điều tra viên; tổ chức các lớp tập huấn nghiệp vụ Tổng điều tra cho giám sát viên cấp huyện và điều tra viên; xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện theo phương án và kế hoạch của Ban Chỉ đạo cấp tỉnh.

8. Cục trưởng Cục Thống kê, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở ngành liên quan, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn, Trưởng Ban Chỉ đạo cấp tỉnh, huyện, xã, Giám đốc các doanh nghiệp/cơ sở trực thuộc doanh nghiệp, chủ cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể nghiêm túc thực hiện nội dung Chỉ thị này./.

Nơi nhận:

- BCD TĐT Kinh tế Trung ương (b/c) ;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- Các tổ đoàn thể, hiệp hội của tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Báo Sơn La;
- Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Chi cục Thống kê 6 khu vực;
- VP UBND tỉnh (LĐ, CV, TT Thông tin);
- Lưu: VT, TH (V.Hải) 20b

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Hoàng Quốc Khánh

VĂN PHÒNG UBND TỈNH SƠN LA

Trung tâm Thông tin - Văn phòng UBND tỉnh Sơn La, Trụ sở HĐND - UBND
- UBNDTTQVN tỉnh và một số Sở, ban, ngành của tỉnh. Phường Tô Hiệu, thành
phố Sơn La

Điện thoại: 0212.3751.595 - 02123751091

Email: congbaosonla@gmail.com